

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

**PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP THOÁT
NƯỚC TUYÊN QUANG**

Tuyên Quang, tháng 6 năm 2016

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	3
CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA VIỆC CỔ PHẦN HÓA	4
PHẦN I: THỰC TRẠNG CỦA CÔNG TY ĐẾN THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP NGÀY 31/3/2015	6
I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA	6
1. Thông tin cơ bản của Doanh nghiệp.....	6
2. Sản phẩm dịch vụ chủ yếu.....	8
3. Quá trình thành lập và phát triển.....	8
4. Các thành tích đạt được.....	10
5. Cơ cấu tổ chức của Công ty	11
6. Tình hình sản xuất kinh doanh 3 năm trước cổ phần hóa.....	15
II. TÌNH HÌNH, HIỆN TRẠNG CÔNG TY.....	25
1. Thuận lợi – Khó khăn.....	25
2. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành	26
3. Thực trạng về tài sản cố định	29
4. Thực trạng về đất đai đang sử dụng.....	33
5. Thực trạng về lao động.....	33
PHẦN II: KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN TIẾP TỤC XỬ LÝ.....	35
PHẦN III: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH_MỘT THÀNH VIÊN CẤP THOÁT NƯỚC TUYÊN QUANG.....	38
I. MỤC TIÊU, HÌNH THỨC CỔ PHẦN HÓA.....	38
1. Mục tiêu cổ phần hóa.....	38
2. Hình thức cổ phần hóa: Bán một phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp.....	38
3. Vốn điều lệ.....	38
4. Cơ cấu vốn điều lệ, Phương thức bán cổ phần, Xác định giá khởi điểm	38
5. Chi phí cổ phần hóa và kế hoạch sử dụng tiền thu từ bán cổ phần	41
II. PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH.....	42

1. Thông tin Doanh nghiệp sau cổ phần hóa	42
2. Ngành nghề kinh doanh dự kiến sau cổ phần hóa	42
3. Cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành Công ty.....	44
III. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG	48
1. Phương án sắp xếp lao động	48
2. Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang Công ty cổ phần	49
3. Chính sách lao động sau cổ phần hóa	50
IV. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT SAU CỔ PHẦN HÓA.....	50
V. PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY SAU CỔ PHẦN HÓA.....	60
1. Phương án sản xuất kinh doanh	60
2. Phương án về công tác tổ chức cán bộ.....	62
3. Phương án đầu tư	62
4. Kế hoạch đăng ký Công ty đại chúng, đăng ký lưu ký, giao dịch và niêm yết trên thị trường chứng khoán	62
PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ, TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ.....	64
I. ĐÁNH GIÁ PHƯƠNG ÁN.....	64
1. Rủi ro về đặc thù.....	64
2. Rủi ro kinh tế	64
3. Rủi ro về luật pháp.....	64
4. Rủi ro của đợt chào bán	65
5. Rủi ro khác.....	65
II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	65
III. KIẾN NGHỊ.....	66

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

TNHH MTV	:	Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên
BCTC	:	Báo cáo tài chính
BHTN	:	Bảo hiểm Tự nguyện
BHXH	:	Bảo hiểm Xã hội
BHYT	:	Bảo hiểm Y tế
BHLĐ	:	Bảo hộ Lao động
CBCNV	:	Cán bộ công nhân viên
CP	:	Cổ phần
CPH	:	Cổ phần hóa
HNX	:	Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
HTK	:	Hàng tồn kho
LNST	:	Lợi nhuận sau thuế
SKKD	:	Sản xuất kinh doanh
UBND	:	Ủy ban Nhân dân
HĐLĐ	:	Hợp đồng lao động

CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA VIỆC CỔ PHẦN HÓA

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản có liên quan.
- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Nghị định 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 59/2011/NĐ-CP;
- Nghị định 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Công văn số 132/TTg-ĐMDN ngày 01/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ về Phương án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang;
- Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- Thông tư 44/2015/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2015 của chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành Công ty cổ phần;
- Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 20/10/2014 của Bộ Tài Chính Hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị Doanh nghiệp khi thực hiện chuyển Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Quyết định số 1495/QĐ-UBND ngày 16/12/2015 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt danh sách doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa;

- Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 28/01/2015 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc thành lập Tổ giúp việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang;
- Căn cứ Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 07/03/2016 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt giá trị Doanh nghiệp để thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang;
- Thông báo số 215/TB-BCĐ ngày 21/3/2016 của Ban chỉ đạo đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt lựa chọn đơn vị tư vấn cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Tuyên Quang.

**PHẦN I: THỰC TRẠNG CỦA CÔNG TY ĐẾN THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH
GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP NGÀY 31/3/2015**

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

1. Thông tin cơ bản của Doanh nghiệp

1.1. Thông tin chung

Tên Công ty : **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP THOÁT
NƯỚC TUYÊN QUANG**

Tên Công ty : TUYEN QUANG WATER SUPPLY AND SEWERAGE
bằng tiếng anh : ONE MEMBER LIMITED LIABILITY COMPANY

Tên viết tắt : TUWASE CO.,LTD

Địa chỉ trụ sở : Số 103, đường Tôn Đức Thắng, tổ 17, Phường Hưng Thành,
chính : Thành phố Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam.

Điện thoại : 0273 822 586

Fax : 0273 821 712

Vốn điều lệ : 30.000.000.000 (Ba mươi tỷ đồng)

Số ĐKKD : 5000126040 đăng ký lần đầu ngày 22/04/2010, đăng ký thay
đổi lần thứ 4 ngày 1/10/2013

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Số 5000126040 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang cấp lần đầu ngày 22/04/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 1/10/2013, ngành nghề kinh doanh hiện tại của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang bao gồm:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600

		(Chính)
2	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
3	Xây dựng nhà các loại	4100
4	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV	43210
5	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn vật tư, thiết bị cấp, thoát nước	46639
6	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình đập, tràn	4290
7	Xây dựng công trình công ích Chi tiết: Xây dựng các công trình cấp nước, thoát nước; công trình xử lý nước sinh hoạt, nước thải dân dụng, công nghiệp; công trình kênh, mương	4220
8	Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ vật tư, thiết bị cấp, thoát nước	47529
9	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Bán lẻ vật tư, thiết bị cấp, thoát nước Thiết kế xây dựng/nhà ở; thiết kế xây dựng/công trình công cộng; - Giám sát thi công xây dựng công trình: hạ tầng, dân dụng; - Khoan, thăm dò, điều tra khảo sát, khai thác nước ngầm.	7110
10	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129

	Chi tiết: Dịch vụ vệ sinh công trình đô thị, công cộng	
11	Thu gom rác thải không độc hại	3811
12	Thu gom rác thải độc hại	3812
13	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821
14	Tái chế phế liệu	3830
15	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại	3822
16	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan Chi tiết: Dịch vụ trồng, chăm sóc cây xanh trong đô thị	8130
17	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ Chi tiết: Hoạt động dịch vụ tang lễ	96320
18	Quản lý, bảo trì đường bộ đô thị, hành lang an toàn đường bộ và các công trình tương tự khác theo đường bộ; Quản lý, vận hành hệ thống cấp, thoát nước, đèn chiếu sáng đô thị; Quản lý, khai thác chợ; Tư vấn quản lý dự án đầu tư các công trình xây dựng cơ bản (không bao gồm tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính)	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống nành kinh tế Việt Nam</i>

2. Sản phẩm dịch vụ chủ yếu

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch;
- Xây dựng các công trình công ích, công trình kỹ thuật dân dụng;
- Thu gom, xử lý rác thải không độc hại (rác thải sinh hoạt);
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cây xanh đô thị;
- Quản lý, duy trì hệ thống điện chiếu sáng đô thị;
- Quản lý, bảo trì đường đô thị.

3. Quá trình thành lập và phát triển

Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang là Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước, tiền thân là Ban Kiến Thiết nhà máy nước Tuyên Quang theo Quyết định số 134/TC-CQ ngày 18/9/1971 của Ủy ban hành chính tỉnh Tuyên Quang thuộc Ty xây dựng Tuyên Quang quản lý; Tại quyết định số 284/TCCB ngày 18 tháng 5 năm 1978 của UBND tỉnh Hà Tuyên về việc chuyển giao Ban kiến thiết nhà máy nước thuộc Ty xây dựng về cho UBND thị xã Tuyên Quang quản lý;

Đến ngày 18 tháng 2 năm 1981 được chuyển thành Nhà máy nước thị xã Tuyên Quang do UBND thị xã Tuyên Quang quản lý;

Đến tháng 3 năm 1985 tại quyết định số 123/UB-QĐ Quyết định của UBND tỉnh Hà Tuyên về việc chuyển giao nhà máy nước thị xã Tuyên Quang thuộc UBND thị xã Tuyên Quang sang Sở xây dựng và công trình đô thị Hà Tuyên quản lý có tên gọi là Xí nghiệp cấp nước Hà Tuyên;

Đến tháng 5 năm 1986 tại quyết định số 135/UB-QĐ của UBND tỉnh Hà Tuyên về việc đổi tên Xí nghiệp cấp nước Hà Tuyên thành Công ty cấp thoát nước Hà Tuyên trực thuộc Sở xây dựng và công trình đô thị quản lý;

Đến tháng 2 năm 1993 tại quyết định số 44/QĐ-CT quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang về việc thành lập doanh nghiệp Nhà nước có tên gọi Công ty Cấp thoát nước thuộc Sở xây dựng Tuyên Quang quản lý;

Đến tháng 4 năm 2010 tại Quyết định số 105/QĐ-UND của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc chuyển Công ty cấp thoát nước thành Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước Tuyên Quang thuộc UBND tỉnh quản lý:

- Chức năng và nhiệm vụ chủ yếu của doanh nghiệp: Khai thác, quản lý vận hành cung cấp nước sạch cho Thành phố Tuyên Quang, trung tâm thị trấn các huyện và một số hệ thống cấp nước sạch nông thôn của tỉnh. Bên cạnh đó, Công ty còn ký hợp đồng thực hiện công tác dịch vụ đô thị tại địa bàn thị trấn Na Hang, huyện Na Hang và thị trấn Vĩnh Lộc huyện Chiêm Hóa; thi công lắp đặt các công trình cấp thoát nước.

- Mục tiêu kinh doanh: Chất lượng nước máy tiêu thụ sản xuất ra đảm bảo theo tiêu chuẩn của Bộ y tế ban hành về chất lượng nước ăn uống và đáp ứng được nhu cầu sử dụng nước của tất cả các đối tượng dùng nước trên địa bàn thành phố Tuyên Quang, thị trấn các huyện trong tỉnh, các xã có công trình nước sạch nông thôn.

- Ngành, nghề kinh doanh chính: Khai thác, xử lý vận hành và cung cấp nước sạch.

4. Các thành tích đạt được

Công tác hoạt động đoàn thể của Công ty luôn được coi trọng và tích cực đẩy mạnh, chế độ chính sách cho người lao động được nâng cao và đảm bảo công ăn việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động. Trong quá trình hoạt động và phát triển, Công ty luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Hình thức đã được khen thưởng:

- **Năm 2011- 2012:** Được UBND tỉnh tặng bằng khen đơn vị xuất sắc phong trào thi đua khối doanh nghiệp 2 và bằng khen có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước.
- **Năm 2013:** UBND tỉnh Tuyên Quang tặng đơn vị xuất sắc dẫn đầu phong trào thi đua khối doanh nghiệp 2 năm 2013; Ban Chấp hành Đảng bộ khối Doanh nghiệp tỉnh Tuyên Quang tặng giấy khen cho Đảng bộ Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước Tuyên Quang đạt tiêu chuẩn “Trong sạch vững mạnh” tiêu biểu năm 2013;
- **Năm 2014:** Công ty đã phối hợp với các tổ chức như: Công đoàn, Hội cựu chiến binh, Đoàn thanh niên tổ chức phát động các phong trào thi đua qua đó đã thúc đẩy tinh thần hăng say lao động trong tập thể người lao động, đã thực hiện thắng lợi nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- **Năm 2015:** Đảng bộ công ty được Đảng bộ khối Doanh nghiệp tỉnh tặng giấy khen đã có thành tích xuất sắc trong học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

Hoàn thành tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước, thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động.

5. Cơ cấu tổ chức của Công ty

5.1. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty TNHH nhà nước một thành viên, bao gồm:

Ban giám đốc: 03 người : Chủ tịch kiêm Giám đốc, các Phó Giám đốc

Phòng chuyên môn, nghiệp vụ : Phòng tổ chức – Hành chính: 8 người

Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật 12 người

Phòng Kế toán – Tài vụ 33 người

Phòng Kinh doanh 40 người

Đơn vị trực thuộc : Xí nghiệp xây lắp: 16 người

Xí nghiệp cấp nước Thành phố Tuyên Quang: 73 người

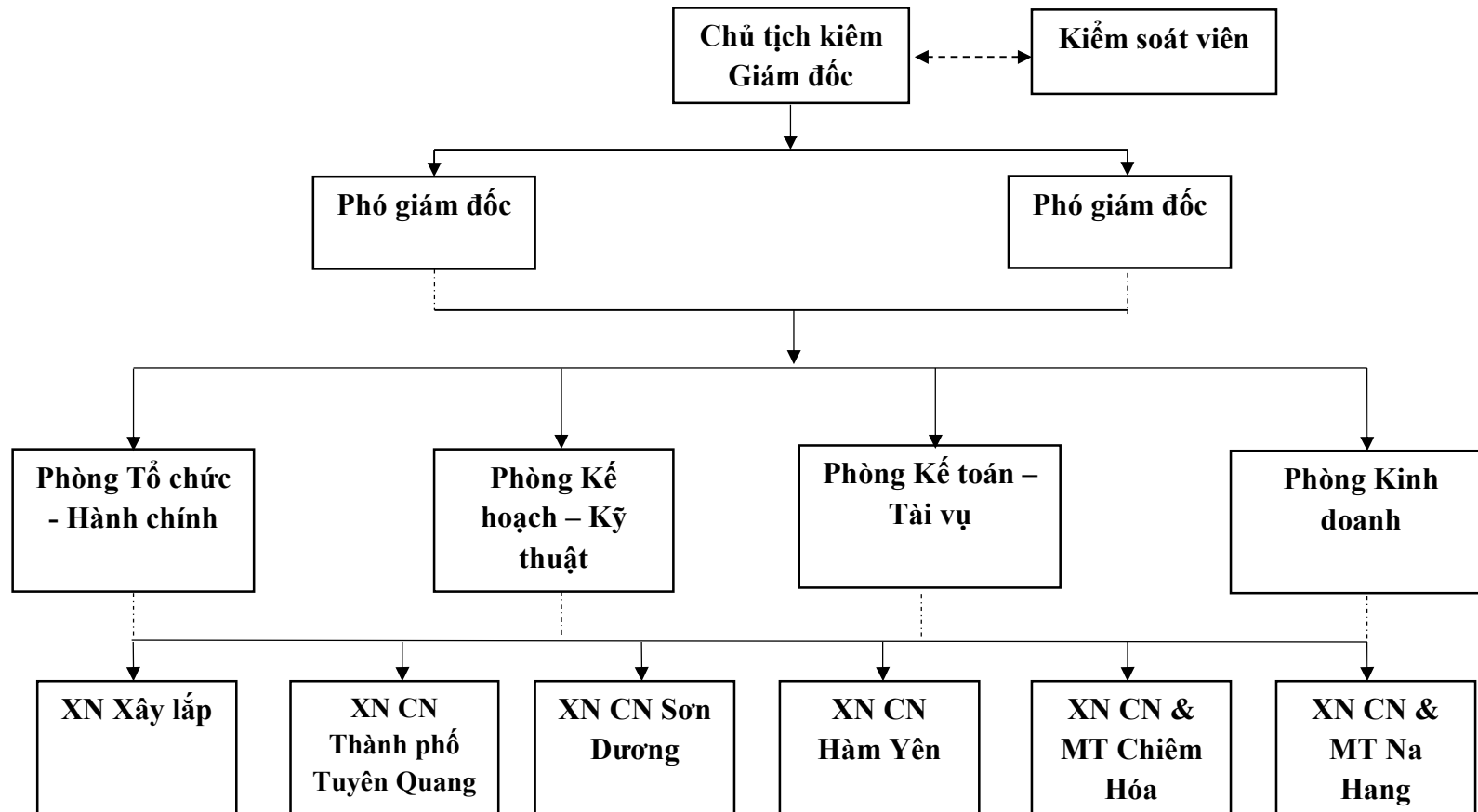
Xí nghiệp cấp nước Sơn Dương: 25 người

Xí nghiệp Cấp nước Hàm Yên 18 người

Xí nghiệp Cấp nước và Môi trường Chiêm Hóa 41 người

Xí nghiệp cấp nước và môi trường Na Hang 52 người

5.2. Sơ đồ tổ chức



❖ Chức năng và nhiệm vụ của các phòng ban

• Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty

- Là người đại diện theo pháp luật và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Công ty theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty trong quản lý điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của Công ty trước Chủ sở hữu, trước pháp luật.

- Phụ trách chung, chịu trách nhiệm lãnh đạo và quản lý toàn bộ hoạt động của Công ty. Trực tiếp lãnh đạo Công tác tổ chức cán bộ, tài chính kế toán, quản lý vật tư, kế hoạch SXKD năm, kế hoạch đột xuất và dài hạn, phụ trách công tác quy hoạch phát triển về cơ cấu tổ chức sản xuất đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ SXKD theo từng giai đoạn.

- Ký các hợp đồng kinh tế về mua vật tư thiết bị phục vụ sản xuất, bán các loại vật tư phế liệu, ký các hợp đồng xây dựng trong và ngoài ngành.

• Kiểm soát viên:

Kiểm soát viên do Chủ sở hữu bổ nhiệm, thực hiện nhiệm vụ giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh của Công ty, báo cáo kết quả, chịu trách nhiệm trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình.

• Các phó giám đốc

Phó Giám đốc có trách nhiệm tham mưu, giúp việc cho Giám đốc về các phần việc được phân công. Điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công, ủy quyền của Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty và pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được giao hoặc ủy quyền.

• Phòng Tổ chức – Hành chính

- Là phòng chuyên môn, nghiệp vụ trực thuộc Công ty, có chức năng tham mưu giúp việc cho Chủ tịch kiêm Giám đốc. Tổ chức lao động, tiền lương, hành chính, bảo vệ trật tự an ninh trong nội bộ Công ty, phân cấp quản lý cán bộ của Công ty.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện quy định về chuyên môn nghiệp vụ, các phương án về chế độ, chính sách, sắp xếp lao động, đảm bảo an toàn về mặt xã hội và luật pháp cho người lao động.

- Xây dựng kế hoạch nhân lực, các đề án, chương trình đào tạo nhân lực và cán bộ, tổng kết báo cáo quản trị nhân lực
- Chịu trách nhiệm quản lý tài sản, công cụ, phương tiện và điều vận phương tiện thuộc lĩnh vực hành chính, quản lý con dấu, công văn, giấy tờ của Công ty theo quy trình, quy phạm quản lý hành chính nhà nước.

- **Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật**

- Là phòng chuyên môn, nghiệp vụ trực thuộc Công ty có chức năng tham mưu giúp việc cho Chủ tịch kiêm Giám đốc trong lĩnh vực quản lý và điều hành kế hoạch sản xuất, kinh doanh của Công ty.
- Giúp Giám đốc Công ty chỉ đạo thực hiện các giải pháp về khoa học và kỹ thuật, công nghệ trong quản lý sản xuất kinh doanh; quản lý, mua sắm vật tư, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

- **Phòng Kế toán – Tài vụ**

- Là bộ phận tham mưu: Giúp Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty quản lý về công tác Tài chính, kế toán theo quy định tại Điều lệ Tổ chức và hoạt động, Luật kế toán, Luật ngân sách và các quy định khác về công tác tài chính, kế toán của Nhà nước;
- Tổ chức công tác kế toán, thu thập xử lý thông tin, số liệu kế toán theo đối tượng và nội dung công việc kế toán theo quy định của chuẩn mực và chế độ kế toán; kiểm tra giám sát các khoản thu, chi tài chính, các nghĩa vụ thu, nộp, thanh toán nợ, kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản, phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán.
- Phân tích thông tin, số liệu kế toán để phản ánh tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tham mưu đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính của Công ty. Cung cấp thông tin, số liệu kế toán theo quy định của pháp luật. Giám sát tài chính của Công ty, tham gia tổ chức thanh lý, nhượng bán, cho thuê thế chấp tài sản theo quy định của pháp luật;
- Tổ chức thực hiện chế độ chứng từ kế toán tuân thủ các nguyên tắc lập và phản ánh các nghiệp vụ kinh tế tài chính trên chứng từ kế toán; kiểm tra, kiểm soát chứng từ kế toán; ghi sổ và lưu trữ, bảo quản chứng từ kế toán; xử lý vi phạm đã

được quy định trong Luật kế toán và quy định về chứng từ kế toán trong chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

- **Phòng Kinh doanh**

- Quản lý theo dõi tiêu thụ sản phẩm nước sạch, công tác ghi đồng hồ nước, thu tiền nước về tài khoản, quỹ Công ty, công tác phát triển khách hàng. Xây dựng kế hoạch tiêu thụ sản phẩm nước sạch, kế hoạch doanh thu tiền nước, kế hoạch và định hướng phát triển khách hàng theo các chương trình dài hạn, ngắn hạn, từng tháng, quý, năm cho toàn Công ty;
- Tổng hợp và lập báo cáo kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch tiêu thụ nước sạch của toàn Công ty theo định kỳ tháng, quý, năm. Theo dõi việc thực hiện giá bán nước sạch đối với các đơn vị trong toàn công ty;
- Nghiên cứu thị trường tiêu thụ nước sạch, lập và trình duyệt phương án mở rộng thị trường, chiến lược quảng bá sản phẩm, quy trình giao tiếp và chăm sóc khách hàng.

- **Các phòng ban trực thuộc**

- Khai thác, thiết kế, thi công, sản xuất theo nhiệm vụ chuyên môn của đơn vị.
- Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch doanh thu, kế hoạch phát triển khách hàng và các loại kế hoạch khác phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh của đơn vị để trình Công ty duyệt.
- Có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch Công ty giao hàng năm.
- Quản lý vật tư, tiền vốn, tài sản và các nguồn lực khác của Công ty giao để duy trì và phát triển sản xuất. Thực hiện nghiêm chỉnh các chế độ chính sách nhà nước ban hành, các nội quy, quy chế của Công ty.

6. Tình hình sản xuất kinh doanh 3 năm trước cổ phần hóa

6.1. Tình hình hoạt động kinh doanh

Nhìn chung, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty trong 03 năm trước cổ phần hóa có quy mô tăng trưởng tốt cả về tổng tài sản và doanh thu. Tổng tài sản năm 2014 tăng gần 40% so với năm 2012 với tỷ lệ tăng bình quân ở mức 20%.

Doanh thu của Công ty tăng hơn 10 tỷ so với năm 2012 nhưng có sự sụt giảm nhẹ vào năm 2014.

Cùng với sự tăng trưởng của doanh thu, lợi nhuận thực hiện của Công ty có bước tăng trưởng đều, trong đó, năm 2014 đạt 1,3 tỷ đồng, tăng 71% so với năm 2013. Hoạt động cung cấp sản phẩm nước sạch là hoạt động đem lại lợi nhuận chủ yếu cho Công ty, tiếp đến là hoạt động dịch vụ đô thị và các hoạt động khác.

Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ cùng với doanh thu tài chính luôn đạt mức tăng trưởng trong khi chi phí luôn được giữ ổn định. Công ty đã thực hiện triển khai nâng cấp, sửa chữa, xây mới nhiều hạng mục công trình cấp nước sạch

Bảng 1: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2012-2014

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1	Tổng giá trị tài sản	Đồng	109.391.337.762	113.324.024.592	150.114.079.854
2	Vốn chủ sở hữu	Đồng	32.601.001.413	40.035.774.794	80.113.393.601
3	Nợ ngắn hạn	Đồng	15.247.196.508	15.152.572.535	11.922.448.168
4	Nợ dài hạn	Đồng	61.543.139.841	58.135.677.263	58.078.238.085
5	Tổng số lao động	Ng	199	303	316
6	Tổng quỹ lương	Đồng	15.105.658.825	22.970.486.894	25.406.485.211
7	Thu nhập bình quân 1 người/tháng	Đồng	6.3325.653	6.317.516	6.700.022
8	Tổng doanh thu	Đồng	40.345.240.949	52.668.062.609	50.720.638.972
9	Tổng chi phí	Đồng	39.545.680.269	51.775.760.551	49.352.703.898
10	Lợi nhuận thực hiện	Đồng	799.560.680	892.302.058	1.367.935.074
11	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	659.637.562	661.518.505	848.781.081

12	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn nhà nước	%	2,49	1,65	1,06
----	---	---	------	------	------

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013, 2014 Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang)

6.2. Cơ cấu doanh thu và lợi nhuận của Công ty

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và cung cấp sản phẩm nước sạch phục vụ sinh hoạt và các nhu cầu khác trên địa bàn toàn tỉnh:

- Địa bàn cung cấp nước: Tp Tuyên Quang, Sơn Dương, Hàm Yên, Chiêm Hóa, Na Hang
- Số lượng khách hàng đang ký hợp đồng sử dụng nước: 38.965 hộ
- Tỷ lệ thất thoát: 24%

Bảng 2: Bảng giá cung cấp nước sạch

Số TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Xí nghiệp cấp nước thành phố Tuyên Quang và Xí nghiệp cấp nước các huyện Sơn Dương, Hàm Yên, Chiêm Hóa	Xí nghiệp cấp nước huyện Na Hang
I	Nước tại khu đô thị			
1	Nước sinh hoạt	đ/m ³	6.040	5.800
2	Nước cơ quan hành chính; Đơn vị sự nghiệp	đ/m ³	8.100	8.100
3	Nước đơn vị sản xuất vật chất	đ/m ³	9.800	9.800
4	Nước đơn vị kinh doanh dịch vụ	đ/m ³	13.000	13.000
II	Nước khu vực nông thôn		Tại các huyện Sơn Dương, Hàm Yên, Chiêm Hóa, Lâm Bình	Tại huyện Yên Sơn
1	Nước sinh hoạt	đ/m ³	4.500	5.500

2	Nước cơ quan hành chính; Đơn vị sự nghiệp	đ/m ³	7.000	8.000
3	Nước đơn vị sản xuất vật chất	đ/m ³	8.000	9.600
4	Nước đơn vị kinh doanh dịch vụ	đ/m ³	10.000	13.000

(Nguồn: Quyết định số: 302/QĐ - CT ngày 14/4/2014 của UBND tỉnh Tuyên Quang)

Công ty TNHH MTV Cấp nước Tuyên Quang hàng năm ghi nhận doanh thu thuần bình quân trong 2 năm 2013 và 2014 đạt hơn 52 tỷ đồng trong đó nguồn thu từ cung cấp nước sạch và các sản phẩm liên quan hiện tại bình quân chiếm xấp xỉ 80% tổng doanh thu. Năm 2014, Công ty ghi nhận mức doanh thu từ cung cấp dịch vụ là hơn 50 tỷ đồng, giảm nhẹ so với cùng kỳ năm 2013. Doanh thu từ hoạt động dịch vụ đô thị được ghi nhận ở mức xấp xỉ 5 tỷ đồng, chiếm 10% tổng doanh thu cả năm.

Bảng 3: Cơ cấu doanh thu của Công ty 2012-2014

TT	CHỈ TIÊU	NĂM 2012	NĂM 2013	NĂM 2014
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	40.077.015.586	52.324.722.426	50.204.535.401
	<i>Doanh thu sản xuất nước</i>	<i>31.956.476.763</i>	<i>36.502.964.427</i>	<i>39.672.759.025</i>
	<i>Doanh thu hoạt động xây dựng</i>	<i>7.38.306.4361</i>	<i>10.001.552.928</i>	<i>4.414.121.610</i>
	<i>Doanh thu dịch vụ khác</i>	<i>112.143.716</i>	<i>252.909.747</i>	<i>115.468.303</i>
	<i>Doanh thu hoạt động dịch vụ đô thị</i>	<i>627.088.671</i>	<i>5.567.295.324</i>	<i>5.994.265.011</i>
	<i>Doanh thu nước sinh hoạt nội bộ</i>	-	-	<i>7.921.452</i>
2	Doanh thu hoạt động tài	74.204.800	135.531.392	29.959.900

	chính			
	<i>Lãi tiền gửi ngân hàng</i>	74.204.800	135.531.392	29.959.900
3	Thu nhập khác	194.020.563	207.808.791	486.143.671
	Tổng Doanh thu	40.345.240.949	52.668.062.609	50.720.638.972

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013, 2014 Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang)

Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng dần qua các năm. Cụ thể, năm 2012, lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 5 tỷ đồng; năm 2014, lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng lên khoảng gần 6 tỷ đồng, tăng 16% so với năm 2012.

Bảng 4: Cơ cấu lợi nhuận của Công ty 2013 - 2015

Đơn vị tính: Đồng

TT	CHỈ TIÊU	NĂM 2012	NĂM 2013	NĂM 2014
1	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.044.922.460	5.868.257.481	5.893.791.890
	<i>Lợi nhuận sản xuất nước</i>	3.989.368.730	4.022.465.067	4.770.354.526
	<i>Lợi nhuận hoạt động xây dựng</i>	926.723.471	903.181.938	414.611.780
	<i>Lợi nhuận dịch vụ khác</i>	64.543.783	188.646.854	115.468.303
	<i>Lợi nhuận hoạt động dịch vụ đô thị</i>	64.286.476	753.963.622	585.435.829
	<i>Lợi nhuận nước sinh hoạt nội bộ</i>	-		7.921.452
2	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	619.658.207	946.733.949	930.500.612
3	Lợi nhuận khác	179.902.473	(54.431.891)	437.434.462

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013, 2014 Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang)

6.3. Cơ cấu chi phí

Bảng 5: Cơ cấu chi phí của Công ty

TT	CHỈ TIÊU	NĂM 2012	NĂM 2013	NĂM 2014
1	Giá vốn hàng bán	35.032.093.126	46.456.464.945	44.310.743.511
2	Chi phí tài chính	305.924.101	221.019.985	54.236.558
3	Chi phí bán hàng		-	-
4	Chi phí quản lý Doanh nghiệp	4.193.544.952	4.836.034.939	4.939.014.620
5	Chi phí khác	14.118.090	262.240.682	48.709.209
Tổng chi phí		39.545.680.269	51.775.760.551	49.352.703.898

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013, 2014 Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang)

Chi phí là yếu tố cơ bản cấu thành nên giá thành sản phẩm. Sự phân bổ chi phí có ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Chi phí về nguyên vật liệu của Công ty chủ yếu là chi phí về điện, hóa chất, nguyên nhiên liệu, vật tư ngành nước.

Giá vốn hàng bán và chi phí quản lý doanh nghiệp là khoản chi phí chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí của công ty. Cụ thể, năm 2014, chi phí giá vốn chiếm gần 90% và chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm xấp xỉ 10% tổng chi phí. Việc kiểm soát tốt các yếu tố chi phí là nhân tố quan trọng tác động trực tiếp tới cơ cấu giá thành, doanh thu, lợi nhuận thu được. Do vậy, công ty luôn chú trọng tới việc quản lý tốt các yếu tố chi phí đầu vào nhằm tăng cường lợi nhuận và lợi thế cạnh tranh.

6.4. Thực trạng về tình hình tài chính công nợ

Chi tiết đối chiếu xác nhận các khoản phải thu như sau:

Bảng 6: Các khoản phải thu của Công ty

TT	Khoản mục	31/03/2015		
		Số liệu theo sổ sách kế toán	Giá trị thẩm định	Chênh lệch
I	Phải thu ngắn hạn	9.443.698.688	9.443.697.691	(997)
1	Phải thu khách hàng	7.764.425.178	7.764.424.181	(997)
2	Trả trước cho người bán	1.217.300.000	1.217.300.000	-
3	Phải thu nội bộ	-	-	-
4	Các khoản phải thu khác	461.973.510	461.973.510	-
5	Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
6	Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-	-
II	Phải thu thuộc tài sản ngắn hạn	1.029.913.778	1.029.913.778	-
1	Thuế GTGT còn được khấu trừ	-	-	-
2	Thuế và các khoản phải thu NSNN	64.704.025	64.704.025	-
3	Tài sản ngắn hạn khác	965.209.753	965.209.753	-
III	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
IV	Phải thu thuộc TS dài hạn khác	62.850.000	62.850.000	-
	Tổng cộng	10.536.462.466	10.536.461.469	(997)

(Nguồn: Hồ sơ xác định GTDN tại thời điểm ngày 31/03/2015 Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang)

Sau khi xác định lại, số dư của các khoản phải trả của Công ty như sau:

Bảng 7: Các khoản phải trả của Công ty

TT	Khoản mục	31/03/2015		
		Số liệu theo sổ sách kế toán	Giá trị thẩm định	Chênh lệch
1	Vay ngắn hạn	-	-	-
2	Phải trả người bán	1.120.172.446	1.120.172.446	-
3	Người mua trả tiền	2.365.562.709	2.365.562.709	-

	trước			
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	724.453.076	724.453.076	-
5	Phải trả người lao động	1.992.907.477	1.992.907.477	-
6	Chi phí phải trả	3.652.000	3.652.000	-
7	Phải trả phải nộp khác	1.177.231.723	1.177.231.723	-
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	309.731.142	309.731.142	-
9	Vay và nợ dài hạn	57.424.786.496	33.608.439.674	(23.816.346.822)
10	Doanh thu chưa thực hiện	27.052.000	27.052.000	
	TỔNG CỘNG	65.145.549.069	41.329.202.247	(23.816.346.822)

(Nguồn: Hồ sơ xác định GTDN tại thời điểm ngày 31/03/2015 Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang)

6.5. Các hợp đồng lớn đã và đang ký kết

Bảng 8: Hợp đồng lớn đã và đang ký kết

STT	Đối tác	Hợp đồng	Ngày HĐ	Hiệu lực HĐ	Giá trị
I	Cung cấp dịch vụ cho khách hàng				8.174.449.650
1	Văn phòng HĐND & UBND huyện Na Hang	Sản phẩm dịch vụ công cộng	01/06/2015	01/01/2015 – 31/12/2015	2.902.340.000
2	BQL công tác dịch vụ đô thị trên địa bàn huyện Chiêm Hóa	Sản phẩm dịch vụ công cộng	20/04/2015	01/01/2015 – 31/12/2015	2.790.056.000

Phương án Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang

3	Bệnh viện Đa khoa Tuyên Quang	Nước sạch sinh hoạt	13/05/2013	Không xác định thời hạn	1.140.641.709
4	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	Nước sạch sinh hoạt	05/03/2015	Không xác định thời hạn	269.749.977
5	Trường Đại học Tân Trào	Nước sạch sinh hoạt	01/05/2013	Không xác định thời hạn	243.720.746
6	Trường dân tộc nội trú tỉnh Tuyên Quang	Nước sạch sinh hoạt	01/06/2013	Không xác định thời hạn	229.671.946
7	UBND tỉnh Tuyên Quang	Nước sạch sinh hoạt	06/05/2013	Không xác định thời hạn	203.410.879
8	Nhà khách Kim Bình	Nước sạch sinh hoạt	13/05/2013	Không xác định thời hạn	167.848.293
9	Trường chính trị tỉnh Tuyên Quang	Nước sạch sinh hoạt	04/05/2013	Không xác định thời hạn	116.728.934
10	Bệnh viện y dược cổ truyền Tuyên Quang	Nước sạch sinh hoạt	13/05/2013	Không xác định thời hạn	110.281.166
II	Mua nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất				6.672.581.606
1	Tổng công ty Điện lực miền Bắc	Điện cho sản xuất	01/01/2012	01/01/2012-31/12/2017	3.490.433.324
2	Tổng công ty Điện lực miền Bắc	Điện cho sản xuất	21/02/2014	21/02/2014 – 21/02/2019	554.057.567
3	Công ty TNHH Thương mại Quảng lâm	Đồng hồ đo nước			1.201.200.000
4	Công ty TNHH Thương mại XNK Minh Hải	Ông và phụ kiện nhựa			1.426.890.715

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang)

6.6. Công nghệ hiện đại đang áp dụng, lợi thế công nghệ

6.6.1. Trình độ công nghệ

Công ty đang áp dụng Công nghệ xử lý nước ngầm bằng phương pháp lọc áp lực kín tự rửa và xử lý nước mặt bằng công nghệ bể lắng Lamén. Nhờ việc áp dụng công nghệ mới, các tấm Lamén đã giúp thu nhỏ bể lắng xuống nhiều lần, bình lọc áp lực với tốc độ lọc cao cũng được đưa vào sử dụng giúp thu nhỏ hệ lọc lại nhiều lần so với lọc hở. Việc thu nhỏ, nâng cấp các thiết bị xử lý nước giúp Công ty không chỉ tiết kiệm đất đai mà còn giảm chi phí xây lắp, chi phí sản và thuận lợi cho công tác quản lý vận hành

6.6.2. Chất lượng dịch vụ, sản phẩm

Để đảm bảo chất lượng các dịch vụ của mình, Công ty đã ký hợp đồng với Trung tâm y tế dự phòng tỉnh về việc để kiểm tra giám sát, xét nghiệm mẫu nước thô và nước thương phẩm để kiểm soát được chất lượng nước đầu ra. Kết quả kiểm tra các chỉ số của nước thương phẩm đều đạt theo quy chuẩn của Bộ Y tế ban hành về chất lượng nước ăn uống. Việc áp dụng tiêu chuẩn giúp chuẩn hóa các quy trình giải quyết công việc một cách khoa học; từng bước cải tiến phương pháp làm việc, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ nhân viên giải quyết công việc thông suốt, kịp thời, hiệu quả; đơn giản hóa quy trình và rút ngắn thời gian giải quyết công việc của công ty.

6.6.3. Hoạt động marketing

Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang xây dựng uy tín dựa trên chất lượng dịch vụ Công ty cung cấp và kinh nghiệm trong nhiều năm qua. Công ty chưa sử dụng nhiều các công cụ như đăng báo, quảng cáo,... để quảng bá hình ảnh đến công chúng..

6.7. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty

6.7.1. Nguồn nguyên vật liệu, các yếu tố đầu vào phục vụ sản xuất

Hiện nay, Công ty đang sử dụng ổn định các nguyên vật liệu, thiết bị sản xuất trong nước phục vụ hoạt động, khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch gồm: nước thô, điện năng, Clo xử lý nước, vật liệu lọc (cát thạch anh), phèn xử lý nước, ống nước bằng thép các loại, đồng hồ đo nước lạnh, ống nhựa HDPE các loại,...

Sự ổn định của nguồn nguyên, nhiên liệu

Nhìn chung, do các nguồn nguyên vật liệu phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty khá đơn giản và phổ biến nên Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang có nhiều thuận lợi trong việc lựa chọn đơn vị cung cấp với mức giá hợp lý và nguồn cung ổn định, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty

6.7.2. Ảnh hưởng của nguyên vật liệu đầu vào tới doanh thu lợi nhuận

Giá nguyên vật liệu đầu vào, các chi phí về lao động, vận hành có ảnh hưởng đáng kể tới doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Tỷ trọng giá vốn hàng bán trong cơ cấu chi phí là khá lớn chính vì vậy việc biến động giá cả nguyên vật liệu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

II. TÌNH HÌNH, HIỆN TRẠNG CÔNG TY

1. Thuận lợi – Khó khăn

1.1. Thuận lợi

a. Chính sách nhà nước

Công ty TNHH TMV Cấp thoát nước Tuyên Quang luôn được sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp, các ngành, từ đó giúp Công ty có những điều kiện thuận lợi để phát triển và mở rộng sản xuất.

b. Tài sản con người

Bộ máy quản lý có trình độ và kinh nghiệm lâu năm, tạo dựng vững chắc thương hiệu uy tín trong ngành.

Ban lãnh đạo Công ty là một tập thể đoàn kết, thống nhất trong việc hoạch định, thống nhất về chủ trương, chiến lược phát triển, về phương thức hoạt động và xử lý các vấn đề cốt lõi của đơn vị.

Đội ngũ cán bộ công nhân viên năng lực, giàu kinh nghiệm, luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng ủy và Ban lãnh đạo Công ty.

1.2. Khó khăn

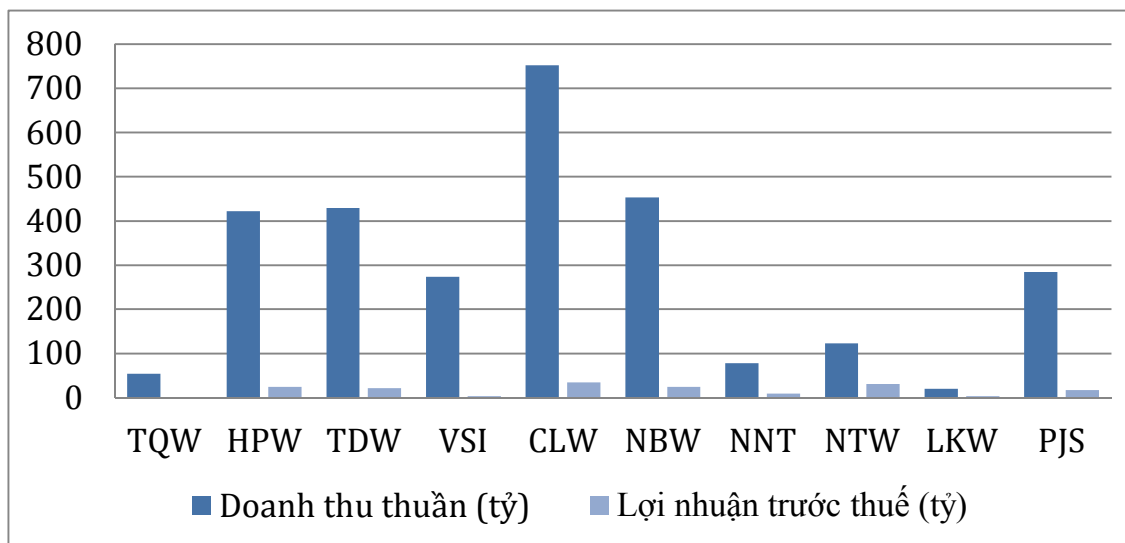
Công tác định hướng chiến lược, kế hoạch, quản trị, công tác xúc tiến thương mại còn hạn chế.

Tỷ lệ thất thoát nước trung bình còn cao, khoảng 24%. Việc xử lý tỷ lệ thất thoát là vấn đề lớn, đòi hỏi chi phí lớn cho hệ thống xử lý, đường ống cần nâng cấp cải tạo, nhân lực và trình độ chuyên môn, công nghệ để kiểm tra, giám sát nguyên nhân gây thất thoát.

2. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành

2.1. Vị thế Công ty trong ngành

So sánh với các công ty cấp nước tại địa bàn khác như Hải Phòng (HPW), Thủ Đức (TDW), WASECO (VSI), Chợ Lớn (CLW), Nhà Bè (NBW), Ninh Thuận (NNT), Long Khánh (LKW) và PHUWACO (PJS), Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang có quy mô trung bình về doanh thu và lợi nhuận. Tuy vậy với đặc thù ngành nước hiện đang ít cạnh tranh do tính độc quyền tự nhiên và phân bố vùng. Điều này không phải là nguy cơ quá lớn đối với Cấp nước Tuyên Quang. Tuy vậy, nếu công ty không hoạt động hiệu quả sau cổ phần hóa, nguy cơ bị mua lại và sát nhập với các công ty khác là hoàn toàn có thể xảy ra



(Nguồn: cafef.vn)

Đặc thù của các công ty nước hiện nay là sự đồng quyền tự nhiên và phân bố vùng theo từng địa bàn các tỉnh thành. Vì vậy, quy mô của từng công ty sẽ có xu hướng tỷ lệ thuận với quy mô về dân số và mức sống tại các tỉnh thành mà công ty hoạt động. Số lượng dân cư, các khu công nghiệp càng đông, thì doanh thu và lợi nhuận càng lớn. Tỉnh Tuyên Quang có diện tích 5.867,3 km², gồm có 1 Thành phố và 6 huyện với 141 đơn vị cấp xã gồm 7 phường, 5 thị trấn và 129 xã. Dân số toàn

tính khoảng 746.700 người. So sánh với các tỉnh thành khác, công ty cấp nước Tuyên Quang có nhiều điểm khiếm tốn hơn.

STT	Tỉnh thành	Diện tích	Dân số
1	Tuyên Quang	5.867,3 km ²	746.700
2	Yên Bái	6.899,5 km ²	750,200
3	Tp. Hải Phòng	1.527,4 km ²	2.103.500
4	Thanh Hóa	11.130,2 km ²	3.412.600
5	Nghệ An	16.493,7 km ²	2.978.700

ĐIỂM MẠNH	ĐIỂM YẾU
<p>Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Tuyên Quang là công ty duy nhất hoạt động trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang về lĩnh vực cung cấp nước sạch.</p> <p>Ban lãnh đạo công ty có thâm niên công tác, cũng như kinh nghiệm trong ngành cùng với đội ngũ nhân viên giỏi, có chuyên môn tay nghề cao.</p>	<p>Ngành kinh doanh nước sạch đòi hỏi có sự đầu tư lớn về cơ sở vật chất, đặc biệt là các hệ thống lọc nước, cấp thoát, hệ thống bể, hệ thống đường ống... các hạng mục này đều có giá thành đầu tư cao, cũng như yêu cầu về diện tích lớn, nhân lực nhiều mới có thể thực hiện xây mới, nâng cấp hay sửa chữa. Nguồn kinh phí chủ yếu hiện nay là vốn vay từ các tổ chức tín dụng.</p> <p>Tỷ lệ thất thoát hiện nay vẫn còn ở mức cao. Đây là nguyên nhân gây thất thu lớn đối với không chỉ Cấp thoát nước Tuyên Quang, mà còn tất cả các công ty nước khác. Khắc phục điểm yếu về thất thoát là một trong những ưu tiên hàng đầu.</p> <p>Ban lãnh đạo cũng như nhiều cán bộ</p>

	<p>công nhân viên còn bị ảnh hưởng bởi cơ chế quản lý Nhà nước, kém linh hoạt trong cơ chế thị trường, chậm thay đổi thích nghi.</p>
<p>CƠ HỘI</p>	<p>THÁCH THỨC</p>
<p>Việc chuyển dịch từ thói quen sử dụng nước giếng khoan và nước mưa sang nước máy đang ngày càng nhiều, nhất là khi đời sống người dân ngày càng văn minh hơn, mức sống tốt hơn, trong khi đó các vấn đề về môi trường, an toàn vệ sinh đang là điều nhức nhối. Dự kiến lượng hộ đăng ký sử dụng nước máy sẽ tăng mạnh trong thời gian tới.</p> <p>Giá nước còn nhiều dư địa để tăng. Theo các quy định hiện hành, giá nước vẫn sẽ có thể tăng ở mức hợp lý sẽ giúp Công ty tăng thêm nhiều lợi nhuận, trong khi không phải gia tăng chi phí thêm.</p>	<p>Yêu cầu về chất lượng nước sẽ ngày càng khắt khe hơn, trong khi đó hệ thống đang ngày càng cũ và xuống cấp, cần được sửa chữa hoặc thay mới.</p> <p>Việc tăng giá bán nước có thể gặp phải sự phản đối của người dân do ảnh hưởng không nhỏ tới đời sống, sinh hoạt và sản xuất.</p> <p>Quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh dự kiến còn nhiều điều chỉnh trong tương lai, gây khó khăn cho việc định hướng xây dựng đầu tư cơ sở hạ tầng của công ty nước.</p>

2.2. Triển vọng phát triển ngành

Tốc độ tăng trưởng của ngành nước gắn liền với mức độ gia tăng dân số và tốc độ đô thị hóa, công nghiệp hóa. Tại Việt Nam, là một nước có dân số trẻ, và tốc độ gia tăng dân số thuộc loại cao trên thế giới, cùng với quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa đang tạo cơ hội rất lớn cho ngành kinh doanh nước sạch. Kỳ vọng về tốc độ tăng trưởng có thể đạt ngưỡng bình quân 5% mỗi năm. Tốc độ này có thể cao hơn tại các đô thị lớn.

Rủi ro về giá tại Việt Nam đối với các công ty nước sạch là rất thấp do chính sách về giá của Chính phủ có thể đảm bảo bù đắp chi phí sản xuất và duy trì mức lợi nhuận bình quân khoảng 5% cho các công ty nước. Thêm vào đó, giá nước hiện

nay được nhận định là vẫn ở mức thấp. Khi đó, các công ty nước sẽ có biên lợi nhuận được cải thiện đáng kể.

Ngành nước có tính độc chiếm thị trường theo phân bố vùng, nên việc cạnh tranh trong ngành là tương đối thấp. Tuy nhiên nguy cơ bị thu tóm sát nhập sẽ xảy ra nhiều trong tương lai, khi mà các công ty nước nhỏ, tiềm năng, nhưng thiếu nguồn lực sẽ bị các công ty lớn hơn mua lại để gia tăng thị phần và mở rộng mạng lưới.

Nền kinh tế càng phát triển, thì nhu cầu về nước sạch cũng tăng theo. Áp lực dân số đối với ngành nước là rất lớn. Do vậy, hiện nay các dự án hỗ trợ người dân khó khăn tiếp cận nguồn nước sạch sẽ mang lại nhiều cơ hội cho công ty.

2.3. Đánh giá về định hướng phát triển của Công ty so với định hướng ngành

Tiềm năng phát triển của ngành nước là không thể phủ nhận. Tuy nhiên, định hướng phát triển cho công ty trong ngành không phải là dễ dàng. Khả năng cân đối thu – chi – đầu tư có tính quyết định then chốt đối với sự phát triển trong tương lai. Nhiệm vụ cấp thiết hiện nay là giảm tỷ lệ thất thoát bằng việc nâng cấp cải thiện hệ thống ống dẫn.

Bên cạnh nhiệm vụ giảm thất thoát, là việc tìm kiếm các ngành nghề liên quan và có tiềm năng tăng trưởng trong tương lai như: sản xuất nước đóng chai, nước khoáng. Đây là định hướng phù hợp, đúng xu hướng, đón đầu được sự phát triển của ngành nước trong tương lai của công ty.

3. Thực trạng về tài sản cố định

Bảng 9: Giá trị tài sản cố định thời điểm 31/03/2015

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Giá trị còn lại		
	Giá trị sổ sách	Giá trị xác định lại	Chênh lệch
TSCĐ đang sử dụng	67.031.686.604	94.603.102.433	27.571.415.829
Tài sản cố định hữu hình	67.031.686.604	94.603.102.433	27.571.415.829
Nhà cửa vật kiến trúc	18.520.851.526	30.311.238.725	11.790.387.199
Máy móc thiết bị	11.691.215.661	13.371.497.742	1.680.282.081

Phương tiện vận tải	36.755.072.542	50.853.810.966	14.098.738.424
Tài sản cố định khác	64.546.875	66.555.000	2.008.125
TSCĐ không cần dùng	506.126.751	506.126.751	-
Nhà cửa vật kiến trúc	297.632.751	297.632.751	-
Máy móc thiết bị	208.494.000	208.494.000	-
Phương tiện vận tải	-	-	-
TSCĐ chờ thanh lý	58.731.680	58.731.680	-
Máy móc thiết bị	58.731.680	58.731.680	-
TS hình thành từ Quỹ KTPL	156.805.277	156.805.277	-
Nhà cửa vật kiến trúc	156.805.277	156.805.277	-
Tài sản chờ xử lý (tài sản hình thành từ dự án Nước sạch nông thôn)	49.726.476.096	49.726.476.096	-
Nhà cửa vật kiến trúc	6.897.205.760	6.897.205.760	-
Máy móc thiết bị	5.944.427.036	5.944.427.036	-
Phương tiện vận tải	36.884.843.300	36.884.843.300	-

(Nguồn: Hồ sơ xác định GTDN tại thời điểm ngày 31/03/2015 – Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang)

Nhà cửa vật liệu kiến trúc

Tại thời điểm ngày 31/03/2015, Công ty đã tiến hành kiểm kê đánh giá phân loại Nhà cửa vật kiến trúc theo loại cần dùng, tài sản chờ thanh lý, tài sản chờ xử lý.

Bảng 10: Giá trị Nhà cửa vật liệu kiến trúc thời điểm 31/03/2015

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nhà cửa vật liệu	Giá trị còn lại
-----	------------------	-----------------

	kiến trúc	Giá trị sổ sách	Giá trị xác định lại	Chênh lệch
1	Sản xuất nước	12.669.186.640	23.566.284.646	10.897.098.006
2	Xây dựng cơ bản	1.134.208.653	1.312.034.378	177.825.725
3	Bộ phận quản lý	1.949.542.831	2.568.166.200	618.623.369
4	Kiểm định đồng hồ	-	-	-
5	Nước sạch nông thôn	-	-	-
6	Tài sản đô thị Na Hang	2.676.197.446	2.762.715.600	86.518.154
7	Tài sản Đô thị Chiêm Hóa	91.715.956	102.037.901	10.321.945
	Tổng	18.520.851.526	30.311.238.725	11.790.387.199

(Nguồn: Hồ sơ xác định GTDN tại thời điểm ngày 31/03/2015 – Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang)

Máy móc thiết bị

Máy móc thiết bị của Công ty bao gồm: các thiết bị xử lý nước, hệ thống lọc nước, máy bơm nước các loại và các máy móc thiết bị khác.

Phương tiện vận tải của Công ty bao gồm ô tô các loại và các tuyến ống dẫn nước sạch.

Sau khi đánh giá lại, giá trị của máy móc thiết bị như sau:

Bảng 11: Giá trị máy móc thiết bị thời điểm 31/03/2015

STT	Tên máy móc thiết bị	Giá trị còn lại		
		Giá trị sổ sách	Giá trị xác định lại	Chênh lệch
1	Sản xuất nước	11.144.098.314	12.758.659.000	1.614.560.686

2	Xây dựng cơ bản	503.933.873	557.269.409	53.335.536
3	Bộ phận quản lý	-	-	-
4	Kiểm định đồng hồ	24.769.474	32.133.333	7.363.859
5	Nước sạch nông thôn	-	-	-
6	Tài sản đô thị Na Hang	18.414.000	23.436.000	5.022.000
7	Tài sản Đô thị Chiêm Hóa	-	-	-
	Tổng	11.691.215.661	13.371.497.742	1.680.282.081

(Nguồn: Hồ sơ xác định GTDN tại thời điểm ngày 31/03/2015 – Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang)

Phương tiện vận tải

Bảng 12: Giá trị phương tiện vận tải thời điểm 31/03/2015

STT	Tên phương tiện vận tải	Giá trị còn lại		
		Giá trị sổ sách	Giá trị xác định lại	Chênh lệch
1	Sản xuất nước	36.028.283.933	49.051.118.540	13.022.834.607
2	Xây dựng cơ bản	0	638.766.518	638.766.518
3	Bộ phận quản lý	643.172.538	853.593.181	210.420.643
4	Kiểm định đồng hồ	-	-	0
5	Nước sạch nông thôn	-	-	0
6	Tài sản đô thị Na Hang	68.303.571	114.332.727	46.029.156
7	Tài sản Đô thị Chiêm Hóa	15.312.500	196.000.000	180.687.500

	Tổng	36.755.072.542	50.853.810.966	14.098.738.424
--	-------------	-----------------------	-----------------------	-----------------------

(Nguồn: Hồ sơ xác định GTDN tại thời điểm ngày 31/03/2015 – Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang)

4. Thực trạng về đất đai đang sử dụng

Hiện tại Công ty đang quản lý, sử dụng 46 khu đất với tổng diện tích là 57.042,47m² để sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh trên địa bàn toàn tỉnh, trong đó:

- + Được nhà nước cho thuê đất tại 06 khu đất (khu 1, 2, 3, 4, 14, 27) với diện tích là 14.355,70 m² (các khu đất 1, 2, 3, 4 đã được cấp Giấy chứng nhận).
- + Được nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất tại 14 khu đất (khu 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 15, 16, 17, 18, 19) với diện tích là: 35.750,10 m².
- + Đang quản lý, sử dụng (chưa được giao đất, cho thuê đất) đối với 26 khu đất (khu 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46) với diện tích là 6.936,67 m².

5. Thực trạng về lao động

Số lượng lao động làm việc tại Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang, tính đến thời điểm xác định giá trị Doanh nghiệp là: 321 người. Cơ cấu lao động như sau:

Bảng 13: Tình hình lao động theo hợp đồng

STT	Phân loại theo trình độ	Tổng số người	Tỷ lệ (%)
1	Đại học, trên đại học	93	28,9
2	Cao đẳng	39	11,6
3	Trung cấp	40	12,4
4	CN kỹ thuật, LĐPT, trình độ khác	149	49,5
	Tổng cộng	321	100

STT	Phân loại theo hình thức hợp đồng	Tổng số người	Tỷ lệ (%)
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ (Nhà nước bổ nhiệm)	01	0,31
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	320	99,69
3	Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ 1 đến 3 năm	0	0
4	Lao động làm việc theo mùa vụ, theo công việc nhất định dưới 12 tháng.	0	0
5	Tạm hoãn HĐLĐ thực hiện nghĩa vụ quân sự	0	0
	Tổng cộng	321	100
STT	Phân loại theo giới tính	Tổng số người	Tỷ lệ (%)
1	Nam	200	62,3
2	Nữ	121	37,7
	Tổng cộng	321	100

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang)

Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý Công ty có tinh thần trách nhiệm, có kinh nghiệm, đã trải qua hoạt động thực tiễn công tác tại các đơn vị cơ sở. Do vậy, cán bộ quản lý có khả năng chỉ đạo, tổ chức cùng với công nhân công ty thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, lực lượng lao động có trình độ đại học trong Công ty thấp (chiếm 28,9%). Số lao động là công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông chiếm tỷ trọng lớn (49,5%).

PHẦN II: KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN TIẾP TỤC XỬ LÝ

1. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp

Căn cứ Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 07/03/2016 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt giá trị Doanh nghiệp để thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang, giá trị thực tế của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang và giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang vào thời điểm ngày 31/03/2015 như sau:

- Giá trị thực tế của Doanh nghiệp : 121.450.616.474 đồng
- Giá trị thực tế phần vốn nhà nước sau khi đánh giá lại: 80.121.414.232 đồng

Bảng 14: Tổng tài sản của Doanh nghiệp tại thời điểm 31/03/2015

Đơn vị tính: Đồng

	Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
	1	2	3	4 = 3 - 2
A.	Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)	93.639.078.448	121.450.616.479	27.811.538.031
I.	TSCĐ và đầu tư dài hạn	75.015.218.295	102.702.235.246	27.687.016.951
1.	Tài sản cố định	67.031.686.604	94.603.102.433	27.571.415.829
a.	TSCĐ hữu hình	67.031.686.604	94.603.102.433	27.571.415.829
b.	TSCĐ vô hình	-	-	-
2.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
3.	Chi phí XDCB dở dang	5.577.561.856	5.577.561.856	-
4.	Phải thu dài hạn (gồm cả KC, KQ)	62.850.000		
5.	Chi phí trả trước dài hạn	2.343.119.835	2.458.720.957	115.601.122

II.	TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	18.623.860.153	18.748.381.233	124.521.080
1.	Tiền	1.631.165.181	1.631.165.436	255
	<i>Tiền mặt tồn quỹ</i>	<i>660.528.745</i>	<i>660.529.000</i>	255
	<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	<i>967.622.309</i>	<i>967.622.309</i>	-
	<i>Tiền đang chuyển</i>	<i>3.014.127</i>	<i>3.014.127</i>	
2.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
3.	Các khoản phải thu	9.443.698.688	9.443.697.691	(997)
4.	Vật tư hàng hoá tồn kho	6.519.082.506	6.519.082.506	-
5.	TSLĐ khác	1.029.913.778	1.154.435.600	124.521.822
III.	Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp	-	-	-
IV.	Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-
B.	Tài sản không cần dùng	2.187.083.473	2.187.083.473	-
I.	TSCĐ và đầu tư dài hạn	506.126.751	506.126.751	-
1.	Tài sản cố định	506.126.751	506.126.751	-
II.	TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	1.680.956.722	1.680.956.722	-
2.	Hàng hóa tồn kho ứ đọng, kém chất lượng	1.680.956.722	1.680.956.722	-
C.	Tài sản chờ thanh lý	58.731.680	58.731.680	
I.	TSCĐ và đầu tư dài hạn	58.731.680	58.731.680	
1.	Tài sản cố định	58.731.680	58.731.680	
II.	TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	-	-	-
D.	Tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi, khen thưởng	156.805.277	156.805.277	-
E.	Tài sản chờ xử lý (tài sản hình thành từ dự án Nước sạch	49.726.476.096	49.726.476.096	

	nông thôn)			
	TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A+B+C+D)	145.768.174.974	173.579.713.005	27.811.538.031
	<i>Trong đó:</i>			
	Tổng giá trị thực tế doanh nghiệp (Mục A)	93.639.078.448	121.450.616.479	27.811.538.031
E1.	Nợ thực tế phải trả	65.145.549.069	41.329.202.247	(23.816.346.82 2)
E2.	Nguồn kinh phí sự nghiệp	-	-	-
	TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A-(E1+E2)]	28.493.529.379	80.121.414.232	51.627.884.853

(Nguồn: Hồ sơ xác định GTDN tại thời điểm ngày 31/03/2015 – Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang)

2. Những vấn đề cần tiếp tục xử lý

Hiện Công ty đã tiến hành đầu tư xây dựng và mở rộng hệ thống cấp nước tại hai huyện Na Hang và huyện Chiêm Hóa. Việc đầu tư này khiến tổng tài sản của Công ty tăng thêm 18 tỷ đồng. Tuy nhiên Báo cáo tài chính của công ty được lập tại thời điểm 31/12/2015 chưa kịp phản ánh phần tài sản tăng thêm này. Công ty dự kiến sẽ hạch toán tăng tài sản vào năm tài chính 2016 một cách chính xác, chi tiết và đầy đủ.

PHẦN III: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP THOÁT NƯỚC TUYÊN QUANG

I. MỤC TIÊU, HÌNH THỨC CỔ PHẦN HÓA

1. Mục tiêu cổ phần hóa

- Chuyển đổi những Doanh nghiệp mà Nhà nước không cần giữ 100% vốn sang loại hình Doanh nghiệp có nhiều chủ sở hữu; huy động vốn của các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài để nâng cao năng lực tài chính, đổi mới công nghệ. Tạo sự thay đổi căn bản về phương thức quản lý, từng bước đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển quy mô, nâng cao năng lực tài chính, năng lực sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động khi chuyển sang mô hình Công ty cổ phần.
- Thực hiện công khai minh bạch theo nguyên tắc thị trường; khắc phục tình trạng cổ phần hóa khép kín trong nội bộ Doanh nghiệp; gắn với phát triển thị trường vốn, thị trường chứng khoán.
- Thu hút các cổ đông chiến lược có năng lực về tài chính, kỹ thuật cao, công nghệ mới, năng lực quản trị và điều hành; hướng tới hợp tác lâu dài, bền vững trên cơ sở cùng phát triển để phát huy năng lực tài chính, khắc phục hạn chế, mở ra các cơ hội đầu tư, kinh doanh mới trong và ngoài ngành.

2. Hình thức cổ phần hóa: Bán một phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang dự kiến sau khi cổ phần hóa là: **80.000.000.000** đồng (*Bằng chữ: Tám mươi tỷ đồng*)

4. Cơ cấu vốn điều lệ, Phương thức bán cổ phần, Xác định giá khởi điểm

4.1. Cơ cấu vốn điều lệ

Bảng 15: Cơ cấu vốn cổ phần dự kiến

TT	Đối tượng	Số lượng cổ phần	Giá trị	Tỷ lệ %
1	Nhà nước	5.200.000	52.000.000.000	65,00%
2	Bán cho người lao động	961.200	9.612.000.000	12,02%
	Người lao động theo số năm	318.200	3.182.000.000	3,98%

	làm việc khu vực nhà nước			
	Người lao động cam kết làm việc lâu dài	643.000	6.430.000.000	8,04%
3	Bán cho nhà đầu tư chiến lược	0	0	0,00%
4	Bán đấu giá cho Cổ đông bên ngoài	1.838.800	18.388.000.000	22,99%
	Tổng	8.000.000	80.000.000.000	100%

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang)

4.2. Phương thức bán cổ phần

4.2.1. Cổ phần bán đấu giá công khai ra công chúng

Tên cổ phần : Cổ phần Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang

Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng

Số lượng cổ phần bán đấu giá công khai : **1.838.800** cổ phần (tương ứng **22,99%** vốn điều lệ)

Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần

Giá khởi điểm bán đấu giá : 10.000 đồng/cổ phần

Đối tượng chào bán : Các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước đáp ứng được các điều kiện quy định trong Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang.

Phương thức đấu giá : Bán đấu giá công khai

Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần : Tổ chức bán đấu giá công khai trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, thông qua tổ chức tư vấn tài chính trung gian là Công ty chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương.

Thời gian và địa điểm đăng : Được quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang.

4.2.2. Cổ phần ưu đãi bán cho người lao động

- Tổng số lao động có tên trong danh sách thường xuyên của Doanh nghiệp tính đến thời điểm công bố giá trị Doanh nghiệp là 321 người.
- Tổng số lao động được mua cổ phiếu ưu đãi theo năm công tác trong khu vực nhà nước tính đến thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp 07/03/2016. Tổng số cổ phần mua ưu đãi đăng ký mua: 318.200 cổ phần tương ứng với 3.182 năm, chiếm 3,98 % vốn điều lệ tại công ty cổ phần.

Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

Giá bán cổ phần ưu đãi:

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP, giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động trong trường hợp này bằng 60% giá bán thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai ra công chúng.

Thời gian dự kiến bán: Sau khi xác định giá bán thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai ra công chúng.

4.2.3. Bán cổ phần ưu đãi theo cam kết làm việc lâu dài cho người lao động

Phương pháp chào bán:

- Bán cổ phần ưu đãi cho CBCNV cam kết tiếp tục làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần.
- Toàn bộ người lao động tiếp tục làm việc tại công ty cổ phần được ưu đãi mua cổ phần cam kết theo mức 200 cổ phần/năm cam kết, tối thiểu cam kết 3 năm và tối đa 10 năm. Riêng người lao động là chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao theo tiêu chí lựa chọn đã thông qua được mua cổ phần cam kết mức 500 cổ phiếu/ năm cam kết. Tiêu chí lao động là chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao được xác định là cán bộ giữ chức vụ quản lý của Công ty. Cụ thể: Chủ tịch, giám đốc, phó giám đốc, trưởng phó các phòng ban, giám đốc và phó giám đốc Xí nghiệp.

Quy mô chào bán

- Tổng số cổ phần được mua theo cam kết làm việc tính đến thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp 07/03/2016 là 643.000 cổ phần tương đương với 8,04% vốn điều lệ.

Loại cổ phần: Cổ phần hạn chế chuyển nhượng trong thời gian cam kết

Giá bán cổ phần ưu đãi theo cam kết: Giá bán thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.

Thời gian dự kiến bán: Sau khi xác định giá bán thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai ra công chúng.

4.3. Xác định giá khởi điểm

Dựa trên sự tham khảo các công ty cấp thoát nước trên địa bàn các tỉnh khác đã đấu giá thành công tại giá 10.000 đồng/cổ phần. Công ty đề xuất giá bán khởi điểm được xác định là **10.000 đồng/CP**.

5. Chi phí cổ phần hóa và kế hoạch sử dụng tiền thu từ bán cổ phần

5.1. Chi phí cổ phần hóa

Chi phí cổ phần hóa của Doanh nghiệp dự kiến là: 500.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng*). Chi phí thực tế sẽ căn cứ trên Hợp đồng, chứng từ và hóa đơn thực tế phát sinh trong quá trình Công ty thực hiện cổ phần hóa.

5.2. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ bán cổ phần

Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa được thực hiện theo quy định tại mục III Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính.

Bảng 16: Số tiền dự kiến nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp Doanh nghiệp

TT	Khoản mục	Giá trị (đồng)
1	Vốn nhà nước sau khi đánh giá lại	80.121.414.232
2	Vốn điều lệ Công ty cổ phần (làm tròn)	80.000.000.000
3	Hoàn trả ngân sách sau khi làm tròn vốn Nhà nước	121.414.232

4	Vốn nhà nước tiếp tục nắm giữ tại CTCP	52.000.000.000
5	Tổng số tiền thu từ bán cổ phần	26.727.200.000
	- Từ bán cổ phần ưu đãi 60% cho CBCNV	1.909.200.000
	- Từ bán cho người lao động cam kết làm việc lâu dài tại Công ty	6.430.000.000
	- Từ bán đấu giá công khai	18.388.000.000
6	Chi phí cổ phần hoá đơn vị thực hiện	500.000.000
7	Chi phí trợ cấp lao động dôi dư	303.307.045
8	Tổng số tiền hoàn vốn ngân sách (8)=(5) + (3) - (6) - (7)	26.045.307.187

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang)

II. PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

1. Thông tin Doanh nghiệp sau cổ phần hóa

Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TUYÊN QUANG**

Tên giao dịch bằng tiếng anh : TUYEN QUANG WATER SUPPLY AND SEWERAGE JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt : TUVASE.,JSC

Địa chỉ trụ sở chính : Số 103, đường Tôn Đức Thắng, tổ 17, phường Hưng Thành, thị xã Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang

Điện thoại : 0273 822 586

Fax : 0273 821 712

Vốn điều lệ : 80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng chẵn)

2. Ngành nghề kinh doanh dự kiến sau cổ phần hóa

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600 (Chính)
2	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
3	Xây dựng nhà các loại	4100
4	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV	43210
5	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn vật tư, thiết bị cấp, thoát nước	46639
6	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình đập, tràn	4290
7	Xây dựng công trình công ích Chi tiết: Xây dựng các công trình cấp nước, thoát nước; công trình xử lý nước sinh hoạt, nước thải dân dụng, công nghiệp; công trình kênh, mương	4220
8	Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ vật tư, thiết bị cấp, thoát nước	47529
9	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Bán lẻ vật tư, thiết bị cấp, thoát nước Thiết kế xây dựng/nhà ở; thiết kế xây dựng/công trình công cộng; - Giám sát thi công xây dựng công trình: hạ tầng, dân dụng; - Khoan, thăm dò, điều tra khảo sát, khai thác nước ngầm.	7110
10	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác Chi tiết: Dịch vụ vệ sinh công trình đô thị, công cộng	8129

11	Thu gom rác thải không độc hại	3811
12	Thu gom rác thải độc hại	3812
13	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821
14	Tái chế phế liệu	3830
15	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại	3822
16	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan Chi tiết: Dịch vụ trồng, chăm sóc cây xanh trong đô thị	8130
17	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ Chi tiết: Hoạt động dịch vụ tang lễ	96320
18	Quản lý, bảo trì đường bộ đô thị, hành lang an toàn đường bộ và các công trình tương tự khác theo đường bộ; Quản lý, vận hành hệ thống cấp, thoát nước, đèn chiếu sáng đô thị; Quản lý, khai thác chợ; Tư vấn quản lý dự án đầu tư các công trình xây dựng cơ bản (không bao gồm tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính)	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

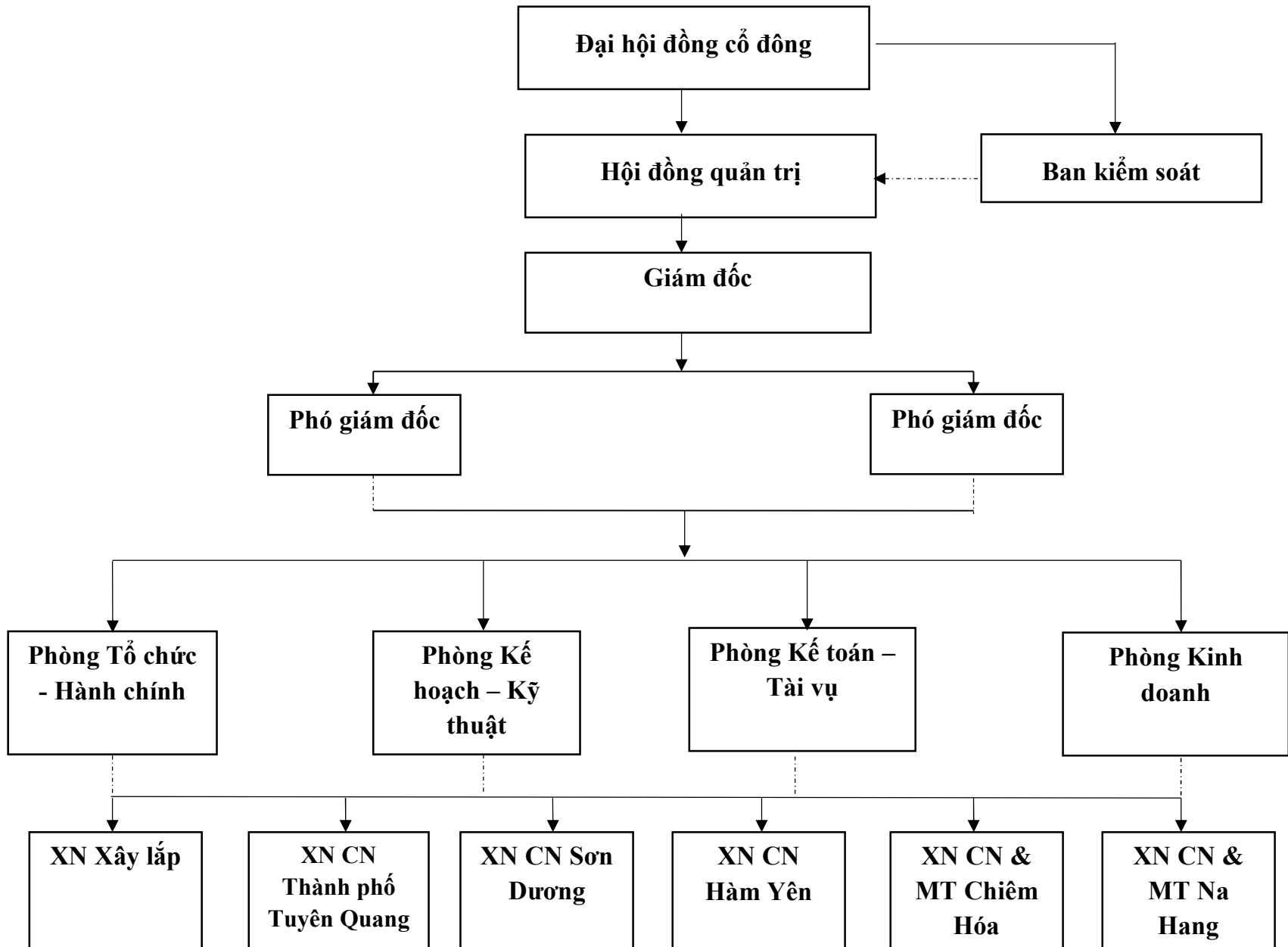
3. Cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành Công ty

3.1. Tổ chức cán bộ Quản lý

- Hội đồng quản trị : 05 người; trong đó: 1 Chủ tịch và 4 thành viên
- Ban Kiểm soát : 03 người
- Giám đốc: 01 người
- Phó giám đốc : 02 người
- Kế toán trưởng : 01 người
- Phòng chuyên môn, nghiệp vụ : Phòng tổ chức – Hành chính
Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật
Phòng Kế toán – Tài vụ
Phòng Kinh doanh

- Đơn vị trực thuộc : Xí nghiệp xây lắp
Xí nghiệp cấp nước Thành phố Tuyên Quang
Xí nghiệp cấp nước Sơn Dương
Xí nghiệp Cấp nước Hàm Yên
Xí nghiệp Cấp nước và Môi trường Chiêm Hóa
Xí nghiệp cấp nước và môi trường Na Hang

3.2. Sơ đồ tổ chức



Chức năng và nhiệm vụ của bộ máy quản lý và các phòng ban

- **Đại hội đồng cổ đông:**

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty cổ phần. Đại hội đồng cổ đông có các quyền quyết định những vấn đề thuộc quyền hạn và nghĩa vụ được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.

Sau cổ phần hóa, nhà nước nắm giữ 65% vốn điều lệ tại Công ty cổ phần, do đó UBND tỉnh Tuyên Quang sẽ có văn bản về việc cử người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty, và văn bản đề cử người tham gia vào danh sách bầu cử Hội đồng quản trị.

- **Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- **Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thay mặt cổ đông giám sát HĐQT, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- **Giám đốc**

Giám đốc: Phụ trách chung, chịu trách nhiệm lãnh đạo và quản lý toàn bộ hoạt động của Công ty. Trực tiếp lãnh đạo Công tác tổ chức cán bộ, tài chính kế toán, quản lý vật tư, kế hoạch sản xuất, kế hoạch SXKD năm, kế hoạch đột xuất và dài hạn, phụ trách công tác quy hoạch phát triển về cơ cấu tổ chức sản xuất đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ SXKD theo từng giai đoạn.

- **Phó giám đốc**

Phó Giám đốc có trách nhiệm tham mưu, giúp việc cho Giám đốc về các phần việc được phân công. Điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công, ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và

chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được giao hoặc ủy quyền.

- **Các phòng ban và đơn vị trực thuộc khác**

Thực hiện chức năng của từng phòng ban theo đúng như nhiệm vụ phân công trước khi cổ phần hóa.

III. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

1. Phương án sắp xếp lao động

- ❖ Tổng số lao động có tên trong Công ty tại thời điểm sắp xếp lại: 321 người, trong đó nữ: 121 người.

Chia ra:

- Lao động không thuộc diện ký hợp đồng lao động: 01 người.

- Lao động làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 320 người.

- ❖ Tổng số lao động tiếp tục được sử dụng tại Công ty cổ phần: 317 người, trong đó nữ: 119 người.

- ❖ Số lao động dôi dư khi cổ phần hóa theo ND 63/2015/NĐ-CP: 04 người, trong đó nữ: 02 người.

Chia ra:

- Số lao động nghỉ hưu trước tuổi: 04 người.

- Số lao động dôi dư tuyển dụng trước 21/4/1998: 0 người.

- Số lao động dôi dư tuyển dụng sau 21/4/1998: 0 người.

- ❖ **Dự toán kinh phí và nguồn kinh phí thực hiện chi trả cho người lao động dôi dư nghỉ việc khi cổ phần:**

Tổng kinh phí (dự toán đến hết ngày 30/06/2016) là: **303.307.045** đồng.

Trong đó:

- * Chi trả cho 04 lao động dôi dư nghỉ hưu trước tuổi:

- Tổng kinh phí: **303.307.045** đồng.

- Nguồn kinh phí: Từ tiền thu bán cổ phần lần đầu; Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp.

- ❖ **Chi tiết:**

Dự toán kinh phí chi trả người lao động theo phương án này được liệt kê tại:

Danh sách lao động thường xuyên của Công ty	: “Mẫu số 01”
Danh sách lao động tiếp tục được sử dụng sau sắp xếp	: “Mẫu số 02”
Danh sách lao động nghỉ việc và chấm dứt hợp đồng lao động	: “Mẫu số 03”
Danh sách lao động tuyển dụng trước ngày 21/04/1998 dôi dư	: “Mẫu số 04”
Danh sách lao động nghỉ hưu trước tuổi và dự toán kinh phí	: “Mẫu số 06”

Dự toán kinh phí chi trả người lao động được lập tại thời điểm 30/06/2016. Chi phí quyết toán thực tế sẽ do Sở Lao động thương binh xã hội tỉnh Tuyên Quang thẩm định tại thời điểm phương án lao động được phê duyệt và trình Bộ tài chính, Bộ lao động Thương binh và Xã hội.

2. Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang Công ty cổ phần

Căn cứ vào Quyết định phương án sử dụng lao động và nhu cầu sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa. Công ty sau cổ phần hóa sẽ có nhiều thuận lợi trong việc tiếp cận gần hơn với nền kinh tế thị trường, vì vậy để mở rộng hoạt động SXKD, tận dụng thời cơ trong nền kinh tế mở cửa.

Công ty sẽ có kế hoạch cơ cấu lại các vị trí chuyên môn, giảm lao động gián tiếp, một người kiêm nhiều việc, giảm chi phí nhân công, tăng năng suất lao động. Công ty dự kiến cơ cấu lao động tại Công ty cổ phần như sau:

Bảng 17: Cơ cấu lao động dự kiến sau cổ phần hóa

STT	Tiêu chí	Số người	Tỷ trọng
I	Theo trình độ lao động	317	100
1	Đại học và trên đại học	91	28,7
2	Cao đẳng, trung cấp	79	24,9
3	Đào tạo qua các trường CNKT, dạy nghề	120	37,8
4	Chưa qua đào tạo	27	8,6
II	Theo hợp đồng lao động	317	100

STT	Tiêu chí	Số người	Tỷ trọng
1	Viên chức quản lý	0	0
2	Lao động không xác định thời hạn	317	100
3	Hợp đồng xác định thời hạn 1-3 năm	0	0
III	Phân theo giới tính	317	100
1	Nam	198	62,46
2	Nữ	119	37,53

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang)

3. Chính sách lao động sau cổ phần hóa

Căn cứ vào nhu cầu sử dụng lao động cũng như mục tiêu, chiến lược phát triển kinh doanh dịch vụ, sản xuất của Công ty sau cổ phần hóa, Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang – Tuyên Quang dự kiến bố trí lao động tại Công ty cổ phần với tổng số lao động sau khi cổ phần hóa 317 người.

❖ Kế hoạch đào tạo lại:

- Thường xuyên cập nhật thông tin về các Nghị định, Thông tư của các cơ quan quản lý nhà nước nhằm áp dụng một cách hiệu quả các chính sách trong công tác quản lý Doanh nghiệp.
- Nâng cao trình độ quản lý của Ban lãnh đạo Công ty thông qua các lớp đào tạo quản lý. Đào tạo chuyên sâu kiến thức chuyên ngành cho phụ trách các Phòng ban và Trưởng phó các đơn vị trong Công ty.
- Tăng cường đào tạo nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ cho toàn thể CBCNV Công ty. Thái độ phục vụ, năng lực hoạt động của nhân viên là nhân tố quan trọng đối với loại hình kinh doanh của Công ty.

IV. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT SAU CỔ PHẦN HÓA

Căn cứ phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Tuyên Quang tại Văn bản số 354/PA-CTN ngày 14/9/2015;

Căn cứ Tờ trình số 78/TTr-TNMT của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Tuyên Quang;

Tiếp tục quản lý, sử dụng 46 khu đất theo hiện trạng Công ty đang quản lý sử dụng đất với tổng diện tích 57.042,47 m², cụ thể:

- Mục đích sử dụng đất: Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp.
- Hình thức sử dụng đất: Thuê đất, trong đó:
 - + Sử dụng đất theo thời hạn đã được thuê đất đối với 06 khu đất (khu 1, 2, 3, 4, 14, 27), diện tích là 14.355,70 m².
 - + Chuyển từ hình thức Nhà nước giao đất không thu tiền sang thuê đất đối với 14 khu đất (khu 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 15, 16, 17, 18, 19), diện tích 35.750,10 m².
 - + Lập hồ sơ xin thuê đất đối với diện tích 6.936,67 m² tại 26 khu đất (khu 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46) theo hiện trạng công ty đang quản lý, sử dụng.

Bảng 18: Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa

TT	Địa điểm sử dụng đất	Hiện trạng quản lý, sử dụng đất				Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hóa	Ghi chú	
		Hồ sơ pháp lý	Tổng diện tích (m ²)	Thời hạn sử dụng	Hình thức quản lý, sử dụng đất			Mục đích sử dụng trước cổ phần hóa
TỔNG CỘNG			57.042,47					
1	Tổ 17, phường Hưng Thành, TP Tuyên Quang, tỉnh TQ	Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất; UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận số AE 836017, ngày 08/8/2006	7.405,00	Thời hạn thuê đất đến ngày 15/10/2043	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Trụ sở văn phòng làm việc của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang	Thuê đất trả tiền hàng năm	
2	Tại tổ 17, thị trấn Na Hang, huyện Na Hang	Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất; UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận số BM 728920, ngày 20/8/2013	1.907,90	Thời hạn thuê đất đến ngày 08/10/2042	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Trạm xử lý nước sinh hoạt, Văn phòng làm việc của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang	Thuê đất trả tiền hàng năm	
3	Tổ A2, thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa, tỉnh TQ.	Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất; UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận số BT 163471, ngày 12/9/2014	416,00	Thời hạn thuê đất đến ngày 15/10/2043	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Văn phòng làm việc của Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Tuyên Quang	Thuê đất trả tiền hàng năm	
4	Tổ Vĩnh Phúc, thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang	Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất; UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận số BT 163286, ngày 15/2/2014	3.104,80	Thời hạn thuê đất đến ngày 28/12/2043	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Trạm xử lý nước sinh hoạt, Trạm bơm nước sinh hoạt và xây dựng các bể xử lý nước thải thị trấn Vĩnh Lộc	Thuê đất trả tiền hàng năm	
5	Xã An Tường, thành phố Tuyên Quang	Đất có nguồn gốc được UBND tỉnh giao đất tại Quyết định số 255/QĐ-UBND ngày 09/3/2004	19.866,50	Lâu dài	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Xây dựng Giếng khoan N4, N5, N6, N7 và đường giao thông (Khu đất số 5)	Chuyển từ hình thức giao đất sang cho thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định

Phương án Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang

6	Xã Trung Môn, huyện Yên Sơn	Đất có nguồn gốc được UBND tỉnh giao đất tại Quyết định số 255/QĐ-UBND ngày 09/3/2004	835,00	Lâu dài	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Đường quản lý giếng và giếng khoan khai thác nước tại xã Trung Môn, huyện Yên, Sơn (Giếng N9)	Chuyển từ hình thức giao đất sang cho thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
7	phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang	Đất có nguồn gốc được UBND tỉnh giao đất tại quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 25/6/2004	4.047,80	Lâu dài	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Xây dựng hệ thống đường quản lý giếng	Chuyển từ hình thức giao đất sang cho thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
8	Phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang	Đất có nguồn gốc được UBND tỉnh giao đất tại quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 25/6/2004	1.167,80	Lâu dài	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Đường quản lý giếng và giếng khoan khai thác nước (Giếng NI0, Phường Hưng Thành, Thành phố Tuyên Quang)	Chuyển từ hình thức giao đất sang cho thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
9	Phường Nông Tiến, thành phố Tuyên Quang	Đất có nguồn gốc được UBND tỉnh giao đất tại quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 25/6/2004	2.046,00	Lâu dài	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Đường quản lý giếng và giếng khoan khai thác nước (Giếng Nil-phường Nông Tiến, Thành phố Tuyên Quang)	Chuyển từ hình thức giao đất sang cho thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
10	Phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang)	Đất có nguồn gốc được UBND tỉnh giao đất tại Quyết định số 1331 /QĐ-UBND ngày 22 /8/2011	3.032,00	Lâu dài	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Đường quản lý giếng và giếng khoan khai thác nước (Giếng N3 Xóm Phú Hưng, Phường Hưng Thành thành phố Tuyên Quang)	Chuyển từ hình thức giao đất sang cho thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
11	Phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang	Đất có nguồn gốc được UBND tỉnh Tuyên Quang giao đất tại Quyết định số 272./QĐ-UBND ngày 07/5/1994	287,00	Lâu dài	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Đường quản lý giếng và giếng khoan khai thác nước (Giếng NI- Xóm Phú Hưng, phường Hưng Thành, Thành phố Tuyên Quang)	Chuyển từ hình thức giao đất sang cho thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định *

Phương án Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang

12	Phường Tân Hà, thành phố Tuyên Quang	Đất có nguồn gốc được UBND tỉnh Tuyên Quang giao đất tại Quyết định số 328/UB-QĐ ngày 29/7/1991	472,00	Lâu dài	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Đường quản lý Giếng và giếng khoan khai thác nước (Giếng N8-Phường Tân Hà, Thành phố Tuyên Quang)	Chuyển từ hình thức giao đất sang cho thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định «*
13	Phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang	Công ty quản lý, sử dụng đất ổn định từ năm 1972	3.047,00	Lâu dài	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Đường quản lý Giếng và giếng khoan khai thác nước (Giếng N2, Xóm Phú Hưng, Phường Hưng Thành)	Chuyển từ hình thức giao đất sang cho thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
14	Tổ dân phố Quyết Thắng, thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương	Được UBND tỉnh cho thuê đất tại Quyết định số 857/QĐ-UB 05/10/1998	370,00	Thời hạn thuê đất 20 năm	Nhà nước cho thuê đất	Văn phòng xí nghiệp cấp nước Sơn Dương thuộc công trình cấp nước sạch tại thị trấn Sơn Dương	Thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
15	Tổ dân phố Đăng Châu, thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương	Đất có nguồn gốc được UBND tỉnh giao đất tại Quyết định số 857/QĐ-UB ngày 05/10/1998	150,00	Lâu dài	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng	Trạm bơm giếng G3 (khu trạm Thù Y) thuộc công trình cấp nước sạch tại thị trấn Sơn Dương	Chuyển từ hình thức giao đất sang cho thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
16	Tổ dân phố An Kỳ, thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương	Đất có nguồn gốc được UBND tỉnh giao đất tại Quyết định số 857/QĐ-UB ngày 05/10/1998	150,00	Lâu dài	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Trạm bơm giếng GI (khu nhà khách UBND huyện) thuộc công trình cấp nước sạch tại thị trấn Sơn Dương	Chuyển từ hình thức giao đất sang cho thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
17	Tổ dân phố Kỳ Lâm, thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương	Đất có nguồn gốc được UBND tỉnh giao đất tại Quyết định số 857/QĐ-UB ngày 05/10/1998	150,00	Lâu dài	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Trạm bơm Giếng G2 (Khu trường cấp 3 Sơn Dương) thuộc Công trình cấp nước sạch tại thị trấn Sơn Dương	Chuyển từ hình thức giao đất sang cho thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
18	Tổ dân phố Cơ quan, thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương	Đất có nguồn gốc được UBND tỉnh giao đất tại Quyết định số 228/QĐ-UB ngày 25/02/2000	99,00	Lâu dài	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng	Trạm bơm Giếng G4 thuộc Công trình cấp nước sạch tại thị trấn Sơn Dương	Chuyển từ hình thức giao đất sang cho thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
19	Tổ dân phố Kỳ An, thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương	Đất có nguồn gốc được UBND tỉnh giao đất tại Quyết định số 228/QĐ-UB ngày 25/02/2000	400,00	Lâu dài	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng	Xây dựng bể chứa nước thuộc công trình cấp nước sạch tại thị trấn Sơn Dương	Chuyển từ hình thức giao đất sang cho thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định

Phương án Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang

20	Thị trấn Tân Bình, Khu 6, thị trấn Tân Bình, huyện Yên Sơn.	Sử dụng đất từ tháng 5/2009 theo hợp đồng thỏa thuận số 2225/HĐTMB ngày 27/5/2009 giữa Công ty cổ phần chè Sông Lô và Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước Tuyên Quang.	241,00		đang quản lý, sử dụng	Trạm bơm cấp nước	Thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
21	Xã Thắng Quân, huyện Yên Sơn, tỉnh TQ	Biên bản ngày 04/12/2012 về việc chuyển giao toàn bộ hệ thống cấp, thoát nước, bể chứa, giếng khoan và diện tích đất sử dụng của Công ty cổ phần xây dựng cầu đường và vận tải cho Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước Tuyên Quang.	1.534,36		đang quản lý, sử dụng	Trạm bơm cấp nước Km9	Thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
22	Thôn Cây Quân, xã Mỹ Bằng, huyện Yên Sơn	Biên bản thỏa thuận, định vị tuyến và khu xử lý nước thị tứ Mỹ Bằng, xã Mỹ Bằng ngày 18/5/2010 giữa UBND xã Mỹ Bằng và Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước Tuyên Quang.	400,00		đang quản lý, sử dụng	Trạm cấp nước	Thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
23	Tổ nhân dân Tân Cương, thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên	Quản lý, sử dụng đất ổn định từ năm 2009 do nhận bàn giao từ Công ty TNHH MTV Dịch vụ Môi trường và Quản lý đô thị Tuyên Quang	576,00		đang quản lý, sử dụng	Văn phòng làm việc của xí nghiệp cấp nước huyện Hàm Yên	Thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
24	Tổ nhân dân Tân Phú, thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên	Quản lý, sử dụng đất ổn định từ năm 2009 do nhận bàn giao từ Công ty TNHH MTV Dịch vụ Môi trường và Quản lý đô thị Tuyên Quang	71,00		đang quản lý, sử dụng	Xây dựng bể áp 200 m3	Thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
25	Tổ nhân dân Tân Bình, thị trấn Tân Yên, Hàm Yên	Quản lý, sử dụng đất ổn định từ năm 2009 do nhận bàn giao từ Công ty TNHH MTV Dịch vụ Môi trường và Quản lý đô thị Tuyên Quang	111,00		đang quản lý, sử dụng	Xây dựng bể áp 300 m3	Thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
26	Tổ nhân dân Tân Bình, thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên	Quản lý, sử dụng đất ổn định từ năm 2009 do nhận bàn giao từ Công ty TNHH MTV Dịch vụ Môi trường và Quản lý đô thị Tuyên Quang	13,16		đang quản lý, sử dụng	Nhà trực Giếng Khoan GI	Thuê đất	Diện tích chính xác được xác định* cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định

Phương án Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang

27	Xã Đội Cấn, thành phố Tuyên Quang	Được UBND tỉnh cho Công ty thuê đất Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 16/10/2015	1.152,00	Thời hạn thuê đất đến ngày	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng	Xây dựng trạm cấp nước sản xuất, sinh hoạt khu công nghiệp Long	Thuê đất trả tiền hàng năm	
28	Xã Tràng Đà, thành phố Tuyên Quang	Sử dụng đất từ năm 2013 theo hợp đồng thỏa thuận số 07b/HĐ-UBND ngày 01/6/2013 của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang	500,00		đang quản lý, sử dụng	Xây dựng giếng khoan khai thác nước	Thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
29	Xã Tân Trào, huyện Sơn Dương	Sử dụng đất từ năm 2011 theo Hợp đồng thỏa thuận 273A/HĐ-MĐ ngày 08/11/2011 giữa Công ty TNHH MTV-cấp thoát nước Tuyên Quang với UBND xã Tân Trào, huyện Sơn Dương	72,00		đang quản lý, sử dụng	Xây dựng nhà trạm bơm và khu xử lý công trình: Giếng khoan- nhà Trạm bơm- Khu xử lý nước trung tâm xã Tân Trào, huyện Sơn Dương, tỉnh	Thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
30	Xã Tràng Đà, thành phố Tuyên Quang	Nhận bàn giao từ Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn theo Quyết định số 1168/QĐ-UBND ngày 20/10/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đơn vị quản lý các công trình cấp nước sinh hoạt nông	32,00		đang quản lý, sử dụng	Công trình cấp nước sinh hoạt xã Tràng Đà (Nhà trạm quản lý vận hành khai thác công trình).	Thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
31	Xóm 10, xã Lang Quán, huyện Yên Sơn	Nhận bàn giao từ Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn theo Quyết định số 1168/QĐ-UBND ngày 20/10/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đơn vị quản lý các công trình cấp nước sinh hoạt nông	89,00		đang quản lý, sử dụng	Công trình cấp nước sinh hoạt xóm 10 xã Lang Quán (Nhà trạm bơm, bể chứa, bể lọc).	Thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
32	Khu trung tâm, xã Phú Lâm, huyện Yên Sơn	Nhận bàn giao từ Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn theo Quyết định số 1168/QĐ-UBND ngày 20/10/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đơn vị quản lý các công trình cấp nước sinh hoạt nông	295,70		đang quản lý, sử dụng	Công trình cấp nước sinh hoạt Khu trung tâm xã Phú Lâm (Nhà trạm, bể tạo áp).	Thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
33	Xã Vân Sơn, xã Hồng Lạc, huyện Sơn Dương	Nhận bàn giao từ Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn theo Quyết định số 1168/QĐ-UBND ngày 20/10/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đơn vị quản lý các công trình cấp nước sinh hoạt nông	200,00		đang quản lý, sử dụng	Công trình cấp nước sinh hoạt xã Vân Sơn+ xã Hồng Lạc .	Thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định

Phương án Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang

34	Thôn Bến Đền, xã Bạch Xa, huyện Hàm Yên	Nhận bàn giao từ Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn theo Quyết định số 1168/QĐ-UBND ngày 20/10/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đơn vị quản lý các công trình cấp nước sinh hoạt nông	238,00		đang quản lý, sử dụng	Cấp nước sinh hoạt thôn Bến Đền, các cơ quan, trường học khu trung tâm xã Bạch Xa (Nhà trạm quản lý, bể chứa).	Thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
35	Xã Bình Xa, huyện Hàm Yên	Nhận bàn giao từ Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn theo Quyết định số 1168/QĐ-UBND ngày 20/10/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đơn vị quản lý các công trình cấp nước sinh hoạt nông	220,00		đang quản lý, sử dụng	Cấp nước sinh hoạt cho các cơ quan, trường học, trạm xã và Khu dân cư trung tâm xã Bình Xa (Nhà trạm quản lý, bể chứa).	Thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
36	Xã Tân Thịnh, huyện Chiêm Hóa	Nhận bàn giao từ Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn theo Quyết định số 1168/QĐ-UBND ngày 20/10/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đơn vị quản lý các	216,00		đang quản lý, sử dụng	Cấp nước sinh hoạt cho các cơ quan, trường học, trạm xã và Khu dân cư trung tâm xã Tân Thịnh	Thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
37	Xã Trung Hòa, huyện Chiêm Hóa	Nhận bàn giao từ Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn theo Quyết định số 1168/QĐ-UBND ngày 20/10/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đơn vị quản lý các công trình cấp nước sinh hoạt nông	60,00		đang quản lý, sử dụng	Cấp nước sinh hoạt khu trung tâm xã Trung Hòa.	Thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
38	Xã Thượng Lâm, huyện Lâm Bình	Nhận bàn giao từ Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn theo Quyết định số 1168/QĐ-UBND ngày 20/10/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đơn vị quản lý các công trình cấp nước sinh hoạt nông	312,90		đang quản lý, sử dụng	Cấp nước sinh hoạt khu trung tâm xã Thượng Lâm.	Thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
39	Thôn Nà Va, Nà Lung, Xã Thượng Lâm, huyện Lâm Bình	Nhận bàn giao từ Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn theo Quyết định số 1168/QĐ-UBND ngày 20/10/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đơn vị quản lý các công trình cấp nước sinh hoạt nông	61,30	...	đang quản lý, sử dụng	Cấp nước sinh hoạt thôn Nà va, Nà Lung, xã Thượng Lâm (Trạm bơm, bể chứa).	Thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định

Phương án Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang

40	Thôn 1, 2, 3, 4, 5, 6 Thống Nhất xã Yên Phú, huyện Hàm Yên	Nhận bàn giao từ Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn theo Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 05/02/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đơn vị quản lý công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn 1,2,3,4, 5, 6 Thống Nhất, xã Yên Phú, huyện Hàm Yên.	143,80		đang quản lý, sử dụng	Cấp nước sinh hoạt nông thôn (Nhà trạm quản lý vận hành khai thác, bể chứa nước, hệ thống công nghệ xử lý nước).	Thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
41	Xóm 3, xóm 5 và các cơ quan, trường học, dân cư khu trung tâm xã Tân Long, huyện Yên Sơn	Nhận bàn giao từ Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn theo Quyết định số 1637/QĐ-UBND ngày 25/12/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đơn vị quản lý 06 công trình cấp nước sinh hoạt sau khi hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trên địa bàn huyện Yên Sơn, Sơn Dương, Chiêm Hóa, Na Hang.	257,25		đang quản lý, sử dụng	Cấp nước sinh hoạt Xóm 3, xóm 5 và các cơ quan, trường học, dân cư khu trung tâm xã Tân Long, huyện Yên Sơn (Nhà trạm và các hạng mục phụ trợ, bể chứa nước sạch, giếng bơm tăng áp, giếng khoan và hầm bảo vệ	Thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
42	Xã Yên Nguyên, huyện Chiêm Hóa	Nhận bàn giao từ Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn theo Quyết định số 1637/QĐ-UBND ngày 25/12/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đơn vị quản lý 06 công trình cấp nước sinh hoạt sau khi hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trên địa bàn huyện Yên Sơn, Sơn Dương, Chiêm Hóa, Na Hang.	302,00		đang quản lý, sử dụng	Cấp nước sinh hoạt xã Yên Nguyên.	Thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
43	Xã Thanh Tương, huyện Na Hang	Nhận bàn giao từ Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn theo Quyết định số 1637/QĐ-UBND ngày 25/12/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đơn vị quản lý 06 công trình cấp nước sinh hoạt sau khi hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trên địa bàn huyện Yên Sơn, Sơn Dương, Chiêm Hóa, Na Hang.	439,00		đang quản lý, sử dụng	Cấp nước sinh hoạt xã Thanh Tương	Thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định

Phương án Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang

44	Thôn Nà Lừa và khu trung tâm xã Trung Hà, huyện Chiêm Hóa	Nhận bàn giao từ Trung tâm nước sạch và VSMT theo Quyết định số 703/QĐ-UBND ngày 04/7/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đơn vị quản lý công trình cấp nước sinh hoạt thôn Nà Lừa và khu trung tâm xã Trung Hà, huyện Chiêm Hóa.	205,00		đang quản lý, sử dụng	Cấp nước sinh hoạt thôn Nà Lừa và khu trung tâm xã Trung Hà, huyện Chiêm Hóa.	Thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
45	Thôn Thanh Vân, Xuân Mai và thôn Khánh Hùng xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên.	Quyết định số 1328/QĐ-CT ngày 24/10/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành công trình cấp nước sinh hoạt thôn Thanh Vân, Xuân Mai và Khánh Hùng xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang; Biên bản bàn giao quản lý công trình ngày 24/11/2011 giữa UBND xã Hùng Đức huyện Hàm Yên với Công ty TNHH MTV cấp thoát	129,20		đang quản lý, sử dụng	Cấp nước sinh hoạt thôn Thanh Vân, Xuân Mai và Khánh Hùng xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.	Thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
46	Xã Khuôn Hà, huyện Lâm Bình.	Được giao quản lý, sử dụng theo Văn bản số 721/UBND-TL ngày 07/4/2014 của UBND tỉnh	217,00		đang quản lý, sử dụng	Cấp nước sinh hoạt xã Khuôn Hà, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.	Thuê đất	Diện tích chính xác được xác định.cu thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang)

V. PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY SAU CỔ PHẦN HÓA

1. Phương án sản xuất kinh doanh

Bảng 19: Kế hoạch SXKD dự kiến của Công ty sau cổ phần hóa

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Sản lượng nước máy tiêu thụ	m ³	7.050.000	7.150.000	7.300.000
2	Giá bán bình quân	Đồng	6.300	6.350	6.350
3	Doanh thu sản xuất nước	Triệu đồng	44.415,0	45.402,5	46.418,5
4	Doanh thu XDCB + dịch vụ đô thị +doanh thu khác	Triệu đồng	6.905,3	7.500	8.000
5	Tổng doanh thu	Triệu đồng	51.320,3	52.903	54.419
6	Tỷ lệ thất thoát	%	24,5	23,8	23,2
7	Số lượng khách hàng ký hợp đồng sử dụng nước	Hộ đầu nối	38.992	39.800	40.900
8	Tỷ lệ cổ tức dự kiến	%	5	5	5

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang)

Hiện tại, giá nước sạch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang còn đang ở mức thấp, dự kiến việc điều chỉnh giá nước tại địa bàn tỉnh là phù hợp với tình hình giá cả chung, cũng như xu thế điều chỉnh giá nước trên toàn quốc. Song công ty tính toán rằng việc tăng giá này không ảnh hưởng nhiều đến khả năng chi trả hay chất lượng cuộc sống của người dân đang sử dụng nước sạch trên địa bàn tỉnh. Giá nước ở mức thấp giúp người dân được hưởng lợi, nhưng lại khiến việc đầu tư nâng cấp, mở

rộng và cải thiện chất lượng hệ thống cấp nước của công ty gặp nhiều khó khăn do biên lợi nhuận thấp. Dự kiến trong thời gian tới, giá nước sẽ được điều chỉnh theo xu thế tăng chung của cả nước ở mức độ hợp lý với khả năng chi trả của người dân. Điều này sẽ góp phần cải thiện lợi nhuận của công ty đáng kể và hoàn thành mục tiêu kinh doanh đã đề ra.

Công ty định hướng tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi của doanh nghiệp là sản xuất nước máy tiêu thụ cho dân cư trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Với sản lượng sau cổ phần hóa dự kiến đạt mức tăng trưởng khoảng 2% mỗi năm, doanh thu dao động quanh ngưỡng 45 tỷ đồng. Để đạt được điều này, ngoài việc tăng sản lượng bằng các biện pháp kỹ thuật, công ty còn phải tập trung chủ yếu vào việc giảm tỷ lệ thất thoát hiện nay đang ở mức 24,5% xuống mức 23,2%. Tăng cường công tác kiểm tra trên tuyến bằng nhiều hình thức thiết thực, hiệu quả, phù hợp kịp thời phát hiện những sự cố, những bất cập và những hộ dùng nước trái phép, hộ dùng nước đồng hồ kẹt, hỏng, những điểm rò rỉ bục vỡ để từ đó kịp thời cải tạo nâng cấp, thay thế các tuyến ống sử dụng lâu ngày đã bị ăn mòn hay bục vỡ từ đó giảm tỷ lệ thất thoát nước. Giá bán nước cũng sẽ được điều chỉnh trên cơ sở khung giá quy định của Nhà nước.

Sau khi Công ty cổ phần cấp thoát nước Tuyên Quang đi vào hoạt động, để đảm bảo lợi nhuận của Công ty như dự kiến, Công ty sẽ có những phương án khoán hợp lý cho các Xí nghiệp trực thuộc để thúc đẩy sản xuất phát triển và tự chủ trong hoạt động sản kinh doanh hơn nữa.

Tích cực tìm kiếm thêm khách hàng mới có nhu cầu ký hợp đồng sử dụng nước sạch của công ty. Đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước ra các vùng lân cận, tăng số lượng khách hàng sử dụng nước. Công ty tiếp tục ký hợp đồng thực hiện dịch vụ công ích tại thị trấn Na Hang, huyện Na Hang và thị trấn Vĩnh Lộc huyện Chiêm Hóa tăng doanh thu cho công ty và tạo công ăn việc làm thu nhập ổn định cho cán bộ Công nhân viên.

Ứng dụng công nghệ thông tin làm nền tảng cho hệ thống quản lý cụ thể như: ứng dụng các phần mềm về kế toán, lập dự toán công trình, phần mềm quản lý

khách hàng, quản lý tài sản, quản lý áp lực nước trên mạng... Bằng việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào hoạt động sản xuất kinh doanh, cũng như công tác quản lý, công ty sẽ cắt giảm được nhiều chi phí liên quan, giúp tăng hiệu quả và tiết kiệm nguồn lực

2. Phương án về công tác tổ chức cán bộ

Sau cổ phần hóa, công ty sẽ có kế hoạch về tổ chức đào tạo nâng cao trình độ tay nghề của các cán bộ công nhân viên trong công ty, nhằm đáp ứng với nền kinh tế thị trường cạnh tranh cao trong thời gian tới, nhất là trong bối cảnh các công ty cấp nước đang được cổ phần hóa ngày càng nhiều, thị trường chứa đựng nhiều nguy cơ cạnh tranh hơn trước đây.

Đối với các vị trí còn thiếu nhân lực trình độ cao, phù hợp với nhu cầu của công ty cổ phần, công ty sẽ thực hiện tuyển dụng và có chính sách đãi ngộ phù hợp để vừa thu hút gắn bó được nhân tài, vừa phù hợp với các quy định hiện hành

3. Phương án đầu tư

Trong thời gian tới, công ty tập trung đầu tư chủ yếu vào các hạng mục bao gồm:

- Năm 2016: Xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt khu công nghiệp Long Bình An, xã Đội Cấn, thành phố Tuyên Quang;
- Năm 2017: Xây dựng trạm xử lý nước mặt từ nguồn Sông Lô bổ sung nguồn nước cho thành phố Tuyên Quang và thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên.
- Năm 2018: Cải tạo, nâng cấp một số tuyến ống sử dụng lâu ngày hay bị bục vỡ và mở rộng mạng lưới cấp nước ra các xã lân cận.

4. Kế hoạch đăng ký Công ty đại chúng, đăng ký lưu ký, giao dịch và niêm yết trên thị trường chứng khoán

- **Căn cứ:**

Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/09/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của Doanh nghiệp nhà nước;

Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐCP ngày 20/7/2013.

- **Trường hợp Công ty đủ điều kiện đăng ký đại chúng:** Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp, Doanh nghiệp cổ phần hóa phải hoàn tất thủ tục đăng ký Công ty đại chúng, đăng ký cổ phiếu để lưu ký tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

- **Trường hợp Công ty đáp ứng đầy đủ điều kiện niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán:** Sau khi thực hiện các thủ tục để đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường chứng khoán theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này, trong thời hạn tối đa một (01) năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp, Doanh nghiệp cổ phần hóa phải bổ sung hồ sơ để hoàn tất thủ tục niêm yết tại các sở giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Công ty sau khi đăng ký đại chúng, lưu ký sẽ có định hướng về việc đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom, từ đó sử dụng nhiều kênh huy động vốn nhanh chóng và hiệu quả. Huy động từ các cá nhân, tổ chức kinh tế để đầu tư phát triển, mở rộng phạm vi hoạt động trong nhiều lĩnh vực nhằm tăng doanh thu, tăng lợi nhuận và phát triển ổn định trong tương lai.

PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ, TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ

I. ĐÁNH GIÁ PHƯƠNG ÁN

1. Rủi ro về đặc thù

Công ty nhận định cấp nước là ngành ít rủi ro về giá. Cơ chế tính giá nước của Chính phủ cũng đảm bảo cho các công ty cấp nước có thể có được tỷ lệ lợi nhuận an toàn. Biên độ tăng giá nước vẫn còn rất lớn, vì vậy có thể nói rủi ro về giá là không đáng kể.

Tuy nhiên, rủi ro lớn nhất ngành nước đang phải đối mặt đó là rủi ro về ô nhiễm nguồn nước và thất thoát nước. Đối với thất thoát nước, do hệ thống đường ống cấp nước nhiều tuyến đã đầu tư từ những năm 1970, 1980, khi đường giao thông còn nhỏ, dân cư thưa thớt, đường ống cấp nước được đặt trong vỉa hè và đường kính ống nhỏ nhưng đến nay đô thị hóa phát triển mạnh Nhà nước đã nhiều lần cải tạo nâng cấp mở rộng đường, do đó hầu hết đường ống cấp nước đều nằm trong lòng, lè đường gây khó khăn cho việc quản lý, cải tạo, sửa chữa thay thế và có chi phí lớn.

2. Rủi ro kinh tế

Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro nhất định. Những rủi ro đó hình thành từ chính sự biến động của các nhân tố cơ bản trong nền kinh tế: tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái. Tuy nhiên, những dự báo tích cực từ IMF và FED về nền kinh tế toàn cầu, tiềm năng kinh tế của Việt Nam nói riêng. Cộng với việc ngành nước mang tính đặc thù độc quyền ngành trên địa bàn tỉnh, ít chịu sự cạnh tranh, Công ty dự báo rủi ro kinh tế có ảnh hưởng rất thấp tới hoạt động sản xuất kinh doanh.

3. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro pháp lý liên quan đến các thay đổi, bổ sung các chính sách, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý đất đai, bảo vệ môi trường, hay Luật thuế. Những thay đổi trong chính sách quản lý, điều hành từ các cơ quan chủ quản sẽ tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp.

Sau cổ phần hóa, Công ty trở thành Công ty đại chúng do vậy sẽ chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn. Tuy nhiên, do hệ thống luật pháp đang trong giai đoạn hoàn thiện nên tính ổn định cũng chưa cao nên sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra, điều đó có khả năng ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Doanh nghiệp.

4. Rủi ro của đợt chào bán

Thông tư 36/2014/TT-NHNN quy định giới hạn cho vay và tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của các tổ chức tín dụng đã tác động lớn tới thị trường chứng khoán. Thông tư 36 có hiệu lực từ đầu tháng 2/2015 được xem là có tác động tiêu cực lên hoạt động cho vay đầu tư cổ phiếu của các CTCK cũng như sụt giảm thanh khoản của thị trường. Tuy nhiên, các chuyên gia đều nhận định tác động của Thông tư 36 là làm lành mạnh hóa hoạt động của ngân hàng, làm cho dòng vốn vào chứng khoán trong trung dài hạn có chất lượng.

Ngoài ra, việc Công ty chào bán cổ phiếu trong giai đoạn thị trường chưa có nhiều diễn biến thuận lợi, nền kinh tế vẫn chưa hoàn toàn hồi phục, các chỉ số chứng khoán như VN-Index, HNX-Index đang ở mức thấp và nhiều biến động theo diễn biến của thị trường thế giới cũng như tâm lý nhà đầu tư... sẽ có những ảnh hưởng đáng kể tới đợt chào bán ra công chúng.

5. Rủi ro khác

Bên cạnh những nhân tố rủi ro trên, còn một số nhân tố rủi ro mang tính bất khả kháng như: thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn. Những rủi ro này hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra, chúng có thể ảnh hưởng và gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Sau khi Phương án cổ phần hóa của Công ty được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Công ty triển khai thực hiện phương án theo lịch trình dự kiến như sau:

TT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Thời điểm nhận phê duyệt phương án cổ phần hóa	T
2	Tổ chức bán đấu giá công khai cổ phần cho các nhà đầu tư	T + 30 ngày
3	Tổ chức bán cổ phần ưu đãi cho cán bộ, công nhân viên	T + 35 ngày
4	Báo cáo kết quả bán cổ phần với Ban chỉ đạo cổ phần hóa	T + 40 ngày
5	Tổ chức Đại hội cổ đông thành lập thông qua Điều lệ, bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, bổ nhiệm Giám đốc Công ty cổ phần và thông qua Phương án sản xuất kinh doanh	T +60 ngày
6	Làm thủ tục đăng ký kinh doanh và xin cấp dấu mới cho Công ty cổ phần, in Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần.	T + 70 ngày
7	Bàn giao danh sách lao động, tài sản, vốn, sổ sách tài liệu cho Hội đồng quản trị	T + 72 ngày
8	Tổ chức ra mắt Công ty cổ phần, đăng báo theo quy định để Công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động	T + 77 ngày
9	Thực hiện quyết toán phần vốn nhà nước tại thời điểm được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	T + 80 ngày

III. KIẾN NGHỊ

Thực hiện Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang là phù hợp với chủ trương của Nhà nước và cần thiết để huy động vốn, mở rộng quy mô hoạt động của Doanh nghiệp cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy, Công ty cổ phần chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương kính đề nghị Ban chỉ đạo đổi mới và phát triển doanh nghiệp xem xét trình Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV

